

Số TN: 0806/KBTN/2022/3379/MTX-KQ/HN180/3282

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
 2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
 3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
 4. Loại mẫu : Không khí làm việc
 5. Ký hiệu mẫu : LV3; LV4
 6. Ngày lấy mẫu : 14/07/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	LV3	LV4	QCVN 03: 2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	32,1	31,9	18-32 ⁽²⁶⁾
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508 – 2009	72,4	63,2	40-80 ⁽²⁶⁾
3	Tốc độ gió	m/S	TCVN 5508 – 2009	0,2	0,2	0,2- 1,5 ⁽²⁶⁾
4	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013	59,1	63,7	85 ⁽²⁴⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,508	0,51	8 ⁽²⁾
6	Sulfur dioxide	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,087	0,092	5
7	Carbon monoxide	mg/m ³	MTX.PT.KK-05	6,150	5,870	20,000
8	Nitơ dioxide	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,094	0,100	5
9	Ozon	mg/m ³	MASA 411	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
10	Chì và các hợp chất	mg/m ³	TQKT 2015 OSHA Method ID 121	KPH (MDL=0,00016)	KPH (MDL=0,00016)	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc

⁽²⁴⁾ QCVN 24: 2016/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

⁽²⁶⁾ QCVN 26: 2016/ BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- LV3 (HN180.MTLD.LV3): Khu vực xưởng sản xuất 2; LV4 (HN180.MTLD.LV4): Khu vực xưởng sản xuất nhựa.

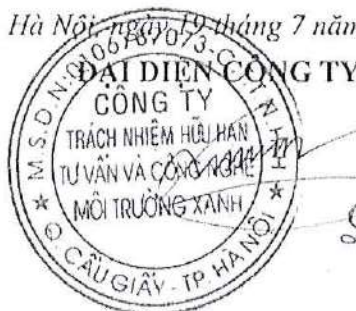
(*) : Được phân tích bởi thầu phụ; (Y) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-

) : Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu

Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TN

Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về

Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



ST: 0807/KBTN/2022/3380/MTX-KQ/HN180/3282

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
 2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
 3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
 4. Loại mẫu : Không khí làm việc
 5. Ký hiệu mẫu : LV5; LV6
 5. Ngày lấy mẫu : 14/07/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	LV5	LV6	QCVN 03: 2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	31,3	29,8	18-32 ⁽²⁶⁾
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508 – 2009	64,5	71,3	40-80 ⁽²⁶⁾
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,2	0,2	0,2- 1,5 ⁽²⁶⁾
4	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013	60,2	64,3	85 ⁽²⁴⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,593	0,506	8 ⁽²⁾
6	Sulfur dioxide	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,090	0,084	5
7	Carbon monoxide	mg/m ³	MTX.PT.KK-05	6,090	5,720	20,000
8	Nitơ dioxide	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,092	0,093	5
9	Ozon	mg/m ³	MASA 411	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
10	Chỉ và các hợp chất	mg/m ³	TQKT 2015 OSHA Method ID 121	KPH (MDL=0,00016)	KPH (MDL=0,00016)	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc

⁽²⁴⁾ QCVN 24: 2016/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

⁽²⁶⁾ QCVN 26: 2016/ BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- LV5 (HN180.MTLD.LV5): Khu vực phòng đánh bóng; LV6 (HN180.MTLD.LV6): Khu vực phòng xử lý nước thải.

(*) : Được phân tích bởi thủ phụ; (Y) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-

): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0808/KBTN/2022/3381/MTX-KQ/HN180/3282

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí làm việc
5. Ký hiệu mẫu : LV7; LV8
6. Ngày lấy mẫu : 14/07/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	LV7	LV8	QCVN 03: 2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	31,3	30,8	18-32 ⁽²⁶⁾
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508 – 2009	65,7	72,9	40-80 ⁽²⁶⁾
3	Tốc độ gió	m/S	TCVN 5508 – 2009	0,2	0,2	0,2- 1,5 ⁽²⁶⁾
4	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013	58,8	58,6	85 ⁽²⁴⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,593	0,592	8 ⁽²⁾
6	Sulfur dioxide	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,090	0,091	5
7	Carbon monoxide	mg/m ³	MTX.PT.KK-05	6,160	5,760	20,000
8	Nitơ dioxide	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,101	0,094	5
9	Ozon	mg/m ³	MASA 411	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
10	Chỉ và các hợp chất	mg/m ³	TQKT 2015 OSHA Method ID 121	KPH (MDL=0,00016)	KPH (MDL=0,00016)	-

Ghi chú:
 - QCVN 03:2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc
⁽²⁴⁾ QCVN 24: 2016/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
⁽²⁶⁾ QCVN 26: 2016/ BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - LV7 (HN180.MTLD.LV7): Khu vực phòng mạ; LV8 (HN180.MTLD.LV8): Khu vực phòng nhuộm.
 (*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022


GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- . Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- . Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
- . Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- . Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0809/KBTN/2022/3382/MTX-KQ/HN180/3282

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí làm việc
5. Ký hiệu mẫu : LV9; LV10
6. Ngày lấy mẫu : 14/07/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	LV9	LV10	QCVN 03: 2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	31,2	31,6	18-32 ⁽²⁶⁾
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508 – 2009	66,7	63,7	40-80 ⁽²⁶⁾
3	Tốc độ gió	m/S	TCVN 5508 – 2009	0,2	0,2	0,2- 1,5 ⁽²⁶⁾
4	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013	63,9	60,4	85 ⁽²⁴⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,678	0,509	8 ⁽²⁾
6	Sulfur dioxide	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,089	0,090	5
7	Carbon monoxide	mg/m ³	MTX.PT.KK-05	4,950	5,130	20,000
8	Nitơ dioxide	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,101	0,094	5
9	Ozon	mg/m ³	MASA 411	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
10	Chì và các hợp chất	mg/m ³	TQKT 2015 OSHA Method ID 121	KPH (MDL=0,00016)	KPH (MDL=0,00016)	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- ⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc
- ⁽²⁴⁾ QCVN 24: 2016/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- ⁽²⁶⁾ QCVN 26: 2016/ BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- LV9 (HN180.MTLD.LV9): Khu vực phòng dệt đập; LV10 (HN180.MTLD.LV10): Khu vực phòng sơn.
- (*) : Được phân tích bởi thủ phụ; (°) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-) : Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh



- . Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- . Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của TN
- . Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- . Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

Số TN: 0810/KBTN/2022/3383/MTX-KQ/HN180/3282

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí làm việc
5. Ký hiệu mẫu : LV11; LV12
6. Ngày lấy mẫu : 14/07/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	LV11	LV12	QCVN 03: 2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	31,4	30,8	18-32 ⁽²⁵⁾
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508 – 2009	63,4	65,3	40-80 ⁽²⁶⁾
3	Tốc độ gió	m/S	TCVN 5508 – 2009	0,2	0,2	0,2- 1,5 ⁽²⁶⁾
4	Tiếng ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013	61,3	56,6	85 ⁽²⁴⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,509	0,508	8 ⁽²⁾
6	Sulfur dioxide	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,092	0,089	5
7	Carbon monoxide	mg/m ³	MTX.PT.KK-05	5,700	5,780	20,000
8	Nitơ dioxide	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,098	0,092	5
9	Ozon	mg/m ³	MASA 411	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
10	Chì và các hợp chất	mg/m ³	TQKT 2015 OSHA Method ID 121	KPH (MDL=0,00016)	KPH (MDL=0,00016)	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT (TWA) ⁽²⁾ ⁽²⁴⁾ ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc

⁽²⁴⁾ QCVN 24: 2016/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

⁽²⁶⁾ QCVN 26: 2016/ BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- LV11 (HN180.MTLD.LV11): Khu vực phòng cán gỗ; LV12 (HN180.MTLD.LV12): Khu vực in logo B.

(*) Được phân tích bởi thầu phụ; (v): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-

): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu

1. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của VN

1. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về

Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 2634/QTVH/2022/5568/MTX-KQ/HN180/3440

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK1; KK2
6. Ngày lấy mẫu : 22/11/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾
1	Bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	88	80,8	300
2	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	89,6	85,8	350
3	CO	µg/m ³	MTX.PT.KK-05	5260	6190	30000
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	85,3	87,2	200
5	O ₃	µg/m ³	MASA Method 411	KPH (MDL=20)	KPH (MDL=20)	200
6	Pb	µg/m ³	TCVN 6152:1996	KPH (MDL=0,23)	KPH (MDL=0,23)	-

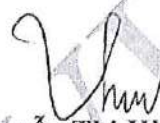
Ghi chú:

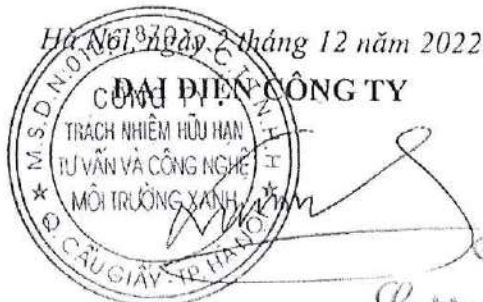
- QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - Trung bình 1 giờ; ⁽²⁶⁾QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- KK1 (HN180.22T12.KK1): Khu vực sân trước xưởng sản xuất; KK2 (HN180.22T12.KK2): Khu vực phía sau nhà xưởng sản xuất.

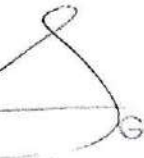
(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (✓): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền



GIÁM ĐỐC


Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc lấy mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 2635/QTVH/2022/5569/MTX-KQ/HN180/3440

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK3; KK4
5. Ngày lấy mẫu : 22/11/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK3	KK4	QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾
1	Bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	84,8	82,0	300
2	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	84,8	85,8	350
3	CO	µg/m ³	MTX.PT.KK-05	4870	5350	30000
4	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	84	86,3	200
5	O ₃	µg/m ³	MASA Method 411	KPH (MDL=20)	KPH (MDL=20)	200
6	Pb	µg/m ³	TCVN 6152:1996	KPH (MDL=0,23)	KPH (MDL=0,23)	-

Ghi chú:

- QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - Trung bình 1 giờ; ⁽²⁶⁾QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- KK3 (HN180.22T12.KK3): Khu vực cổng 1; KK4 (HN180.22T12.KK4): Khu vực cổng 2.

(*): Được phân tích bởi thủ phụ; (v): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 2637/QT VH/2022/5571/MTX-KQ/HN180/3440

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT1
5. Ngày lấy mẫu : 22/11/2022



VILAS 1332

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT1	QCVN 40: 2011/BTNMT (B)	QCTĐHN 02: 2014/BTNMT (B)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,62	5,5 - 9	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	34,0	100,0	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	24,0	50,0	50
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	92,8	150	150
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	19,8	40,0	40
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,620	6	6
7	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2900	5000	5000

Ghi chú:

QCVN 40: 2011/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCTĐHN 02:2014/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Yêu cầu B quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt..

NT1 (HN180.22T12.NT1): Tại hồ ga cuối đã qua xử lý trước khi xả thải đối với nước thải sản xuất.

*) Được phân tích bởi chuyên viên; (v): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền



Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

CÁI GIẤY - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu

Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN

Phieu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của N lấy về

Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 2636/QTVH/2022/5570/MTX-KQ/HN180/3440

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
3. Địa chỉ : Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 22/11/2022



VILAS 1332

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 14 : 2008/ BTNMT (B)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,38	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	26,0	100,0
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	44,0	50,0
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	73,6	-
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	23,0	-
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,142	-
7	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2400	5000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008/ BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- NT2 (HN180.22T12.NT2): Tại hố ga cuối của nước thải sinh hoạt.

(*): Được phân tích bởi chuyên gia; (✓): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền
Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh
Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

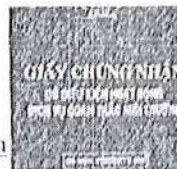




CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE, JSC

VILAS 372 - VIMCERTS 006

Đ/C: Số 311 Vũ Tông Phan, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795, Fax: 0243.5593120 Email: kythuatmoitruong@eatc.com.vn



Số: HNO993/22.2936-1/PTN-EATC

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị gửi mẫu	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
Địa chỉ	Ô DV-04, LÔ SỐ 25, P HOÀNG LIỆT, Q HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI
Tên và kí hiệu mẫu	KT1: HN180.22T12.KT
Đặc điểm mẫu	Dung dịch
Người nhận mẫu	Trần Văn Tâm
Ngày nhận mẫu	Ngày 23 tháng 11 năm 2022
Người phân tích	Trần Văn Tâm, Nguyễn Tất Đông, Nguyễn Quang Minh
Ngày trả kết quả	Ngày 29 tháng 11 năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
					Nồng độ tối đa
1	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác), tính theo NO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26	<0,3	-

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): không quy định.
- Thẻ tích lấy mẫu quy về điều kiện tiêu chuẩn do đơn vị gửi mẫu cung cấp.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2022

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM

KIỂM TRA

Trần Văn Tâm

Lê Nguyệt Minh



Nguyễn Tất Đông

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03180/2022/PKQ/22.867

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng Công ty TNHH tư vấn và công nghệ Môi trường Xanh
Địa chỉ Ô DV - 04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Loại mẫu Khí thải
Ngày nhận mẫu 23/11/2022
Thời gian thử nghiệm 23/11/2022 - 02/12/2022

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				HN180.22T12.KT
1	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	0,857

Ghi chú:

- Mẫu và thông tin do khách hàng cung cấp.

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

VIỆN TRƯỞNG

Th.S Phạm Thị Hoa



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1918-2023-KQPT/KT.02-05

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Mã mẫu : HKT-DJ.230622
Ngày lấy mẫu : 22/06/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 22/06/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 01/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT (Giá trị C)
				KT	
1	Bụi tổng*	mg/Nm ³	US EPA Method 5	69	200
2	CO	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT05	KPH	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT05	KPH	500
4	NO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT05	KPH	850
5	NH ₃ *	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	9,4975	50

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải ống khói xưởng mạ

X= 2314933; Y= 569932

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MEXD và TM Green

Bản hành: 01

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1919-2023-KQPT/KX.02-06

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Tên mẫu : Không khí xung quanh Mã mẫu : HK1/2-DJ.230622
Ngày lấy mẫu : 22/06/2023 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 22/06/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 01/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				K1	K2	
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,157	0,145	0,3
2	CO	mg/m ³	GREEN/SOP-QTTN-KX02	<2,33	<2,33	30
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,077	0,071	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,068	0,063	0,2
5	Chì (Pb)*	µg/m ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	<0,05	<0,05	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Mẫu không khí khu vực cổng chính

X= 2315045; Y= 517896

+ K2: Mẫu không khí khu vực cổng số 2

X= 2315020; Y= 570016

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 05:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình trong một giờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023
GIÁM ĐỐC

Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,
- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

Ban hành: 04

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1920-2023-KQPT/KX.02-07

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Tên mẫu : Không khí xung quanh Mã mẫu : HK3/4-DJ.230622
Ngày lấy mẫu : 22/06/2023 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 22/06/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 01/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				K3	K4	
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,127	0,130	0,3
2	CO	mg/m ³	GREEN/SOP-QTTN-KX02	<2,33	<2,33	30
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,075	0,069	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,068	0,061	0,2
5	Chì (Pb)*	µg/m ³	US EPA Compendium Method IO-3.2	<0,05	<0,05	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K3: Mẫu không khí khu vực trước xưởng sản xuất

X= 2315033; Y= 569945

+ K4: Mẫu không khí khu vực sau xưởng sản xuất

X= 2315074; Y= 569898

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình trong một giờ).

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Ngọc Anh



Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.
- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định.
- (KPII): Không phát hiện.
- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1921-2023-KQPTNT-02-08

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



VALAS 058

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : HNT1-DJ.230622
Ngày lấy mẫu : 22/06/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 22/06/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 03/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				NT1	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,6	5 - 9
2	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	99,2	-
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	49,7	50
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	101	100
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	33,6	-
6	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,41	-
7	Tổng Coliforms*	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	3.400	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Mẫu nước thải sinh hoạt

X= 2315100; Y= 569896

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,

- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

Bản hành: 04

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1922-2023-KO-LP-F.02-09



VACI

VALAS 058

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
 Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
 Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
 Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : HNT2-DJ.230622
 Ngày lấy mẫu : 22/06/2023 Số mẫu : 01
 Thời gian phân tích : 22/06/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 03/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột B)
				NT2	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,4	5,5 – 9
2	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	201,6	150
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	90,2	50
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	155	100
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	5,88	40
6	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	271,8	6
7	Tổng Coliforms*	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	3.100	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT2: Mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý

X= 2314970; Y= 569870

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC
Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,
 - PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;
 - (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

Bản hành: 04

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1923-2023-KCPT/NT-02-01

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : HNT1-DJ.230724
Ngày lấy mẫu : 24/07/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 24/07/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 31/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				NT1	
1	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	<2	100

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Mẫu nước thải sinh hoạt

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);

+ Mẫu do khách hàng gửi đến, thông tin do khách hàng cung cấp.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

GIAM ĐỐC
Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTEXD và TM Green

Bản hành: 04

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1924-2023-KOPT/NT.02-02

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội **VALAS 058**
Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : HNT2-DJ.230724
Ngày lấy mẫu : 24/07/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 24/07/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 31/07/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột B)
				NT2	
1	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	12,7	150
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	6,0	50
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	9	100
4	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	0,15	6

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT2: Mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ Mẫu do khách hàng gửi đến, thông tin do khách hàng cung cấp.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Ngọc Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

Ban hành: 04

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

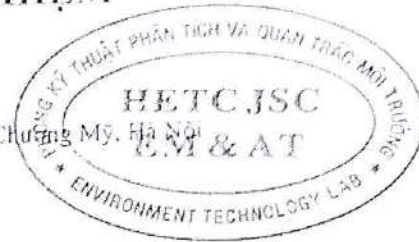
- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (H): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ quan trắc : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng/Tên mẫu : 01
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích : 04-16/11/2023

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT01	Giá trị C
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	32,1	200
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPH*	500
3	Carbon oxit (CO)	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPH*	1.000
4	Nitơ đioxit (NO ₂)	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPH*	850
5	NH ₃ (*)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (MDL=0,6)	50

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- (#): Không phát hiện theo giới hạn đo của máy;
- (+): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vincerts 306;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp. MDL là giới hạn phát hiện của phương pháp;
- KT01: Mẫu khí thải ống khói xưởng mạ (X: 2314933, Y: 569932)

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Vương Thị Hương

Hoàng Thị Suong



Đỗ Văn Quỳnh

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

1. Thời gian lưu mẫu * ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
2. Thông tin về mẫu, lên khách hàng được, ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

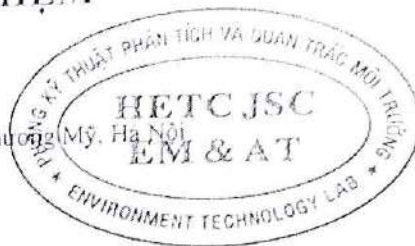
Địa chỉ quan trắc : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Loại mẫu : Không khí xung quanh

Số lượng/Tên mẫu : 02

Ngày lấy mẫu : 04/11/2023

Thời gian phân tích : 04-16/11/2023



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				KX01	KX02	Trung bình 1 giờ
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	147	150	300
2	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	HETC/SOP – QTTN – KX03	<9.000*	<9.000*	30.000
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	83	77	350
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	64	68	200
5	Chì (Pb) (+)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	US EPA Compendium Method IO 3.2	KPH (MDL= 0,05)	KPH (MDL= 0,05)	-

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình trong một giờ);

- (-): Không quy định;

- (*): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp. MDL là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- (+): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vincerts 306.

- KX01: Mẫu không khí khu vực cổng chính (X: 2315045, Y: 517896)

- KX02: Mẫu không khí khu vực cổng số 2 (X: 2315020, Y: 570016)

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Vương Thị Hương

Hoàng Thị Hương

Đỗ Văn Quỳnh

1. Kết quả này không được phép sao chép, tái phân phối, ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT).

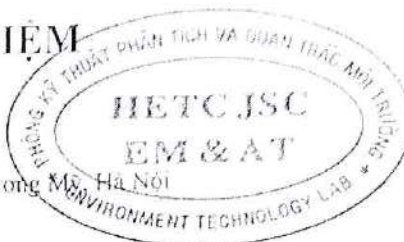
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hội đồng giám sát mẫu phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ quan trắc : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Số lượng/Tên mẫu : 02
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích : 04-16/11/2023

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				KX03	KX04	Trung bình 1 giờ
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	120	135	300
2	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	HETC/SOP – QTTN – KX03	<9.000*	<9.000*	30.000
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	70	73	350
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	62	63	200
5	Chì (Pb) ⁽⁺⁾	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	US EPA Compendium Method IO 3.2	KPH (MDL= 0,05)	KPH (MDL= 0,05)	-

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình trong một giờ);
- (-): Không quy định;
- (*): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp. MDL là giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (+): Thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ Vincerts 306;
- KX03: Mẫu không khí khu vực trước xưởng sản xuất (X: 2315033, Y: 569945)
- KX04: Mẫu không khí khu vực sau xưởng sản xuất (X: 2315074, Y: 569898)

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Vương Thị Hương

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Thị Hương

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Quỳnh

1. Kết quả này không được phép sao chép, nung nấu, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT).

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc không nhận kết quả thử nghiệm của khách hàng.

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.



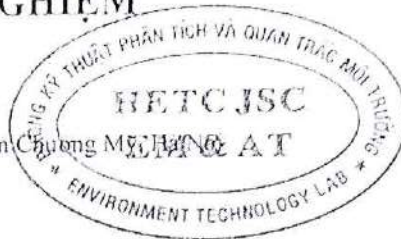
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
Phòng thử nghiệm kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT) – Vincerts 253 – VLAAT-1.026
Địa chỉ: C21-20 khu C, KĐT Gelexiance – phường Dương Nội – quận Hà Đông – thành phố Hà Nội
Tel1 0246 683 2969 Tel2 0972 194 566 Email: Hetc.motruong@201203.com

Số: 0002551-2023-PQT (NT2311.257.001)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ quan trắc : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng/Tên mẫu : 01
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích : 04-13/11/2023



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT01	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,36	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	47,8	50
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	96	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	95	100
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	35,9	-
6	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,08	-
7	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	4.800	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- (-): Không quy định;
- NT01: Mẫu nước thải sinh hoạt (X: 2315100; Y: 569896)

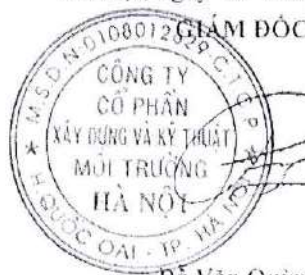
NGƯỜI LẬP PHIẾU

Vương Thị Hương

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Thị Hương

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023



Đỗ Văn Quỳnh

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoài trả toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT).

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

1. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Thời gian lưu mẫu phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

2. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

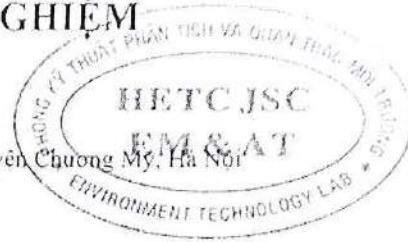
Ngày ban hành



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Địa chỉ : Lô CN B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải/Mẫu do khách hàng gửi đến
Số lượng/Tên mẫu : 01/NT01: Mẫu nước thải sản xuất
Thể tích mẫu nhận được : 3L/mẫu
Ngày nhận mẫu : 27/11/2023 Thời gian phân tích : 27/11/2023-04/12/2023



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT
				NT01	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,72	5,5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	4,73	50
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	11	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	14	100
5	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	<6,0*	40
6	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	2,00	6
7	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	1.100	5.000

Ghi chú:

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Cột B);
- (-): Không quy định;
- (*): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp;
- Các thông tin thử nghiệm được cung cấp bởi khách hàng;

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Vương Thị Hương

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Thị Hương

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2023



Đỗ Văn Quỳnh

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của phòng kỹ thuật phân tích và quan trắc môi trường (EM&AT).

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Thời gian lưu mẫu: ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hệ thống lưu mẫu, phòng EM&AT không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo văn bản của người gửi mẫu.



VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 081.585.6611
Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05722 /2024/PKQ(24.3486)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao,
Hà Đông, Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp
Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
- Ngày trả kết quả : 24/08/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT120824-031	KT	khí thải tại ống khói ở phân xưởng mạ (2315065; 569913)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				KT	Giá trị C
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	0,912	1.000
2	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	0	500
3	NO _x _NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.06	0,827	850

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

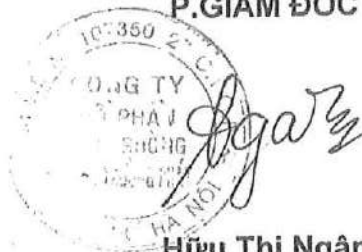
- Giá trị C: Là giá trị của bụi tổng và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024
P.GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05723 /2024/PKQ(24.3486)

1. Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
2. Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội
3. Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
4. Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
5. Ngày trả kết quả : 24/08/2024
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KXQ120824-011	K1	mẫu không khí tại khu vực cổng chính (2315170; 569912)	Không khí xung quanh
2	KXQ120824-012	K2	mẫu không khí tại cổng c2 (2315144; 570002)	Không khí xung quanh
3	KXQ120824-013	K3	mẫu không khí trước xưởng sản xuất (2315108; 569939)	Không khí xung quanh
4	KXQ120824-014	K4	mẫu không khí sau xưởng sản xuất (2315064; 569929)	Không khí xung quanh

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 05:2023/ BTNMT TB 1h
				K1	K2	K3	K4	
1	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	132,6	102,0	98,3	88,1	300
2	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	47,5	55,4	46,6	51,8	200
3	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	57,0	52,6	54,4	46,3	350
4	CO ^(b)	µg/Nm ³	TTP.SPT.KXQ.01	KPH	KPH	KPH	KPH	30.000
5	Pb ^(b)	µg/Nm ³	ASTM D4185-96	KPH	KPH	KPH	KPH	-

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

- TB 1h: là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05724 /2024/PKQ(24.3486)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
- Ngày trả kết quả : 24/08/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N120824-057	NT2	Tại điểm hồ gas cuối của nước thải sản xuất (2315038; 569904)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (H) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT2	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,08	5,5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	25,1	50
3	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	60,0	150
4	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	89	100
5	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	22,98	40
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,558	6
7	Coliform ^(b)	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2017	4,9 x 10 ³	5.000

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/ Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05725 /2024/PKQ(24.3486)

1. Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
2. Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao,
Hà Đông, Hà Nội
3. Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp
Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
4. Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
5. Ngày trả kết quả : 24/08/2024
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N120824-056	NT1	tại điểm hồ gas cuối của nước thải sinh hoạt (2315000; 569929)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
				NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,63	5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	4,86	50
3	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	22	100
4	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	12,6	-
5	Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	3,4 x 10 ³	5.000
6	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	10,37	-
7	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,45	-

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyện

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/ Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

BM/TT7.8-01

Bản hành lần: 04

Ngày có hiệu lực: 08/08/2024

Trang 2/2



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05722 /2024/PKQ(24.3486)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
- Ngày trả kết quả : 24/08/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT120824-031	KT	khí thải tại ống khói ở phân xưởng mạ (2315065; 569913)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (*) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				KT	Giá trị C
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	0,912	1.000
2	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	0	500
3	NO _x _NO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.06	0,827	850

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

- Giá trị C: Là giá trị của bụi tổng và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024
P.GIÁM ĐỐC



Trần Thị Luyến



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05723 /2024/PKQ(24.3486)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
- Ngày trả kết quả : 24/08/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KXQ120824-011	K1	mẫu không khí tại khu vực cổng chính (2315170; 569912)	Không khí xung quanh
2	KXQ120824-012	K2	mẫu không khí tại cổng c2 (2315144; 570002)	Không khí xung quanh
3	KXQ120824-013	K3	mẫu không khí trước xưởng sản xuất (2315108; 569939)	Không khí xung quanh
4	KXQ120824-014	K4	mẫu không khí sau xưởng sản xuất (2315064; 569929)	Không khí xung quanh

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	K3	K4	TB 1h
1	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	132,6	102,0	98,3	88,1	300
2	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	47,5	55,4	46,6	51,8	200
3	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	57,0	52,6	54,4	46,3	350
4	CO ^(b)	µg/Nm ³	TTP.SPT.KXQ.01	KPH	KPH	KPH	KPH	30.000
5	Pb ^(b)	µg/Nm ³	ASTM D4185-96	KPH	KPH	KPH	KPH	-

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcertis;

- QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

- TB 1h: là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024
P.GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05724 /2024/PKQ(24.3486)

1. Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
2. Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
3. Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
4. Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
5. Ngày trả kết quả : 24/08/2024
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N120824-057	NT2	Tại điểm hồ gas cuối của nước thải sản xuất (2315038; 569904)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
8. (H) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT2	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,08	5,5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	25,1	50
3	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	60,0	150
4	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	89	100
5	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	22,98	40
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,558	6
7	Coliform ^(b)	MPN /100ml	SMEWW 9221B:2017	4,9 x 10 ³	5.000

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC


Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/ Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05725 /2024/PKQ(24.3486)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà CC02, khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Công Ty TNHH Doojung Việt Nam - Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 12/08/2024
- Ngày trả kết quả : 24/08/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N120824-056	NT1	tại điểm hồ gas cuối của nước thải sinh hoạt (2315000; 569929)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quản trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
8. (H) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT1	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,63	5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	4,86	50
3	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	22	100
4	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	12,6	-
5	Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	3,4 x 10 ³	5.000
6	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	10,37	-
7	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	1,45	-

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/ Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
VÀ THIẾT BỊ TOÀN CẦU**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU LẬP ĐẶT VÀ BÀN GIAO

- Căn cứ hợp đồng số: **23719/TC-DJVN** đã ký giữa Công ty TNHH DooJung Việt Nam và Công ty CP Công nghệ và Thiết bị Toàn Cầu;
- Căn cứ vào các nội dung công việc đã hoàn thành.



Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại công trình Bên A chúng tôi gồm có:

***Bên nhận bàn giao (Bên A):**

CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Đại diện nhân sự tham gia nghiệm thu bàn giao:

Ông : Son Joung Kyu

Chức vụ: Phó Giám đốc

*** Bên bàn giao (Bên B):**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ TOÀN CẦU

Địa chỉ : Km 25 Quốc lộ 6 KCN Phú Nghĩa – Xã Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội

Đại diện nhân sự tham gia nghiệm thu bàn giao:

Ông : Nhữ Viết Quân

Chức vụ: GD Dự Án

Hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra bàn giao và nghiệm thu khối lượng công việc theo hợp đồng gồm các hạng mục như sau:

+84982 558 987

TT	DANH MỤC THIẾT BỊ	Xuất xứ	Số lượng theo HD	Số lượng theo thực tế	Đơn vị
A	PHẦN THIẾT BỊ				
1	Thiết bị hấp phụ than hoạt tính công suất 24000m³/h + Kích thước thiết bị: DxH: 2500x5000mm + Kích thước thiết bị: DxH: 2000x5000mm + Vật liệu chế tạo: Composite	GTECO / VN	2	2	T Bì
2	Bơm tuần hoàn thấp hấp thụ + Lưu lượng: 400-470 l/phút + Áp suất: 14mH ₂ O	VN	2	2	cái
B	PHẦN ỐNG GIÓ				
	Hệ thống đường ống dẫn khí + Kích thước: D600m + Vật liệu: PVC Hệ thống đường ống công nghệ + Vật liệu: PVC	VN	1	1	Hệ thống
C	Bể tuần hoàn + Chứa nước và hóa chất tuần hoàn cho 2 thiết bị xử lý + Chất liệu: Composite	GTECO / VN	1	1	Bể
D	Quạt hút ly tâm trực tiếp + Công suất: 37 kW + Lưu lượng: 24000-28000m ³ /h + Cột áp: 3600-3300 Pa + Điện áp: 3 phase/380V/50Hz + Bao che động cơ + Đệm cao su giảm rung	GTECO /VN	2	2	Bộ
E	Tủ điện điều khiển + Cung cấp điện cho toàn bộ hoạt động vận hành của nội bộ hệ thống xử lý khí thải + Thiết bị biến tần điều khiển cho quạt hút, bơm, phao báo mức + Phụ kiện: Át, cầu đấu, đèn báo, rơ le, chống mất pha,.... + Dây điện kết nối từ tủ điều khiển đến quạt hút (Không quá 10-15m) (Chủ đầu tư cấp dây nguồn đến tủ điều khiển)	GTECO /VN	1	1	Hệ

F	Chi phí lắp đặt + Chi phí nhân công lắp đặt đường ống, thiết bị, quạt hút + Chi phí nhân công đục trần, đục tường và chất hoàn trả + Chi phí thuê giàn giáo + Chi phí thuê cầu vận chuyển thiết bị lên vị trí lắp đặt	GTECO /VN	1	1	Hệ
G	Chi phí vận chuyển + Chi phí vận chuyển toàn bộ hệ thống thiết bị đến chân công trình (Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội)		2	2	Chuyển

• **KẾT QUẢ SAU KHI BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU:**

- Hàng hóa, thiết bị của bên B cung cấp và lắp đặt cho bên A đều đúng chủng loại, quy cách, chất lượng đúng như hợp đồng đã cam kết theo yêu cầu của bên A.
- Toàn bộ hàng hóa thiết bị đã lắp đặt đúng theo yêu cầu, được phép đưa vào hoạt động vận hành.
- Bên A có trách nhiệm nhận và tự bảo quản thiết bị kể từ ngày nhận bàn giao.

KẾT LUẬN: BÊN A ĐỒNG Ý NGHIỆM THU LẮP ĐẶT HÀNG HÓA, THIẾT BỊ VÀ NHẬN BÀN GIAO ĐƯA VÀO VẬN HÀNH.

Hai bên nhất trí ký vào biên bản này.

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản làm căn cứ để thực hiện tiếp hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nhữ Viết Quân

+84982 558 987

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILD DRAWINGS

**NHÀ MÁY DOOJUNG
DOOJUNG FACTORY**

**LÔ CN-B6, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA
HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM**

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

OWNER: DOOJUNG VIETNAM CO., Ltd

TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY TNHH LAUD JVC

SUPERVISION CONSULTANTS: LAUD JVC CO., Ltd

NHÀ THẦU CHÍNH: CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION

MAIN CONTRACTOR: WOJIN CONSTRUCTION CO., Ltd

2017

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017	AS-BUILD DRAWINGS December 2017
Người lập Prepared by	Đại diện chủ đầu tư Contractor's representative
	
HÀ HỮU HUỖNH	KIM KYUNG SIK

NHÀ MÁY DOOJUNG DOOJUNG FACTORY

LÔ CN-B6, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA
HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

ARCHITECTURE
KIẾN TRÚC

2017

LAUD JVC CO., LTD
ARCHITECTS & CONSULTANTS

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017	AS-BUILD DRAWINGS Date: 12/2017
Người lập Prepared by	Trách nhiệm hữu hạn Contractor's representative
 HÀ HỮU HUỖNH	 KIM KYUNG SIK

BAEK WOJIN

STT No.	KÍ HIỆU BẢN VẼ DWG. No.	NỘI DUNG BẢN VẼ DRAWING TITLE
GENERAL TỔNG THỂ		
1	A-000	- DANH MỤC BẢN VẼ Drawings List
2	A-101	- THỐNG SỐ THIẾT KẾ Design Scheme
3	A-102	- BẢNG TÍNH TOÁN DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG Building Area Computation
4	A-201	- THỐNG KÊ VẬT LIỆU - CHI TIẾT NỘI THẤT HOÀN THIỆN Interior Schedule - Interior Standard Details
5	A-301	- MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ Ground Floor Master Plan
6	A-302	- MẶT BẰNG Mái TỔNG THỂ Roof Master Plan
7	A-303	- MẶT BẰNG CÂY XANH Landscape Plan
8	A-304	- MẶT BẰNG GIAO THÔNG NỘI BỘ Internal Road Plan
NHÀ XƯỞNG C FACTORY C		
9	A-401	- MẶT BẰNG TẦNG TRỆT 1st Floor Plan
10	A-402	- MẶT BẰNG Mái Roof Plan
11	A-403	- MẶT BẰNG HOÀN THIỆN NỀN Floor Finish Plan
12	A-404	- MẶT BẰNG HOÀN THIỆN TƯỜNG Wall Finish Plan
13	A-405	- MẶT BẰNG TRẦN Ceiling Plan
14	A-406	- MẶT ĐỨNG Y1 - Y7 & Y7 - Y1 Elevation Y1-Y7 & Y7 - Y1
15	A-407	- MẶT ĐỨNG X1 - X7 & X7 - X1 Elevation X1 - X7 & X7 - X1
16	A-408	- MẶT CẮT A-A, B-B Section A-A; B-B
17	A-409	- MẶT ĐỨNG Y1 - Y2 & Y2 - Y3 Elevation Y1 - Y2 & Y2 - Y3
18	A-410	- MẶT CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ TẦNG 1 1st FL. Door & Window Plan
19	A-411	- BẢNG THÔNG KÊ CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ Door & Window Schedule - 1
20	A-412	- BẢNG THÔNG KÊ CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ Door & Window Schedule - 2
21	A-413	- CHI TIẾT VỆ SINH NAM - NỮ Men wc & Women wc Detail
21		CHI TIẾT DETAIL
22	A-501	- CHI TIẾT -1 Details -1
23	A-502	- CHI TIẾT -2 Details -2
24	A-503	- CHI TIẾT CANOPY Canopy Detail
25	A-504	- CHI TIẾT NHÀ BƠM Pumproom Detail
26	A-505	- CHI TIẾT THANG CHỮA CHÁY Ladder Detail

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION CÔNG TY TNHH WOJIN Construction Co., Ltd	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN WOJIN CHIEF ARCHITECT
Người lập Prepared by <i>Nguyen Huu Hinh</i>	Đại diện chủ đầu tư Contract's representative <i>Kim Kyung Sik</i>
HÀ HỮU HUYỀN	KIM KYUNG SIK

CHỖ ĐẤU TƯ - INVESTOR: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM 39-04 LÔ CHỖ 40 CÔNG NGHIỆP PHÚ HỒNG KHU VỰC CHỢ MỚI, PHƯỜNG PHÚ HỒNG, HUYỆN PHÚ HỒNG, TỈNH NAM ĐỊNH			
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR: DOOJUNG VIỆT NAM CO., LTD 39-04 LÔ CHỖ 40 CÔNG NGHIỆP PHÚ HỒNG KHU VỰC CHỢ MỚI, PHƯỜNG PHÚ HỒNG, HUYỆN PHÚ HỒNG, TỈNH NAM ĐỊNH			
TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR: LIM BYUNG SUN			
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT: LAUD JVC CO., LTD ARCHITECTS & CONSULTANTS Công ty TNHH LAUD JVC 19/01/19 Đường 19, Phường 19, Quận 19, Thành Phố Hồ Chí Minh Tel: +84.9.3911.1922			
TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR: BAEK WOJIN			
CHIEF ARCHITECT KTS. BAEK WOJIN			
CHIEF ARCHITECT KTS. BAEK WOJIN			
THIẾT KẾ KTS. LÊ QUANG THẠNH			
KTS. HUYNH NGOC TRẦN			
CÔNG TRÌNH - PROJECT: NHÀ MÁY DOOJUNG DOOJUNG FACTORY 39-04 LÔ CHỖ 40 Công Nghiệp Phú Hồng Huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh			
HẠNG MỤC - BUILDING ITEM: GENERAL CHUNG			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR: DANH MỤC BẢN VẼ			
TÊN - NAME TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE		SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NO. A-000	

BAEK WOJIN

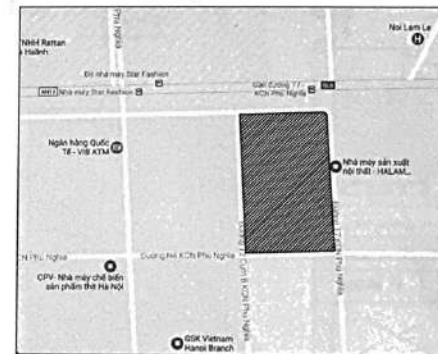
THÔNG SỐ THIẾT KẾ - DESIGN SCHEME

MỤC LỤC - INDEX		NỘI DUNG CƠ BẢN - BASIS		MỤC LỤC - INDEX		NỘI DUNG CƠ BẢN - BASIS		GHI CHÚ - REMARK
CÔNG TRÌNH - PROJECT NAME		NHÀ MÁY DOOJUNG DOOJUNG FACTORY		VẬT LIỆU HOÀN THIỆN FINISH MATERIAL	BÊN NGOÀI EXTERIOR	MÁI ROOF	MÁI LỢP TÔN DÀY 0.45mm THK 0.45 CORRUGATED STEEL SHEET	
CHỦ ĐẦU TƯ CLIENT	Công ty - Company	CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM DOOJUNG VIỆT NAM Co., Ltd				TƯỜNG WALL	TƯỜNG GẠCH , TÔ VỮA , SƠN NƯỚC HOÀN THIỆN CLAY BRICK, MORTAR, EMULSION PAINT	
KHU ĐẤT SITE SCHEME	Vị trí - Location	ĐỊA CHỈ : LÔ CN-B6, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM CN - B6 AREA, PHU NGHIA INDUSTRIAL PARK, CHUONG MY DISTRICT, HA NOI CAPITAL, VIET NAM				* ALL STEEL MEMBER EXCEPT THE GALVANIZED WILL BE PAINTED BY ANTI - RUST & OIL PAINT.		
	Diện tích khu đất xây dựng Site Area this time	35,852.6 m²						
CHỈ TIÊU THIẾT KẾ CRITERIA DESIGN	Chức năng - Area District	Nhà xưởng, văn phòng, Factory, Office		CẢNH QUAN LANDSCAPE	DIỆN TÍCH AREA	7,324.1 m²		(BAO GỒM CẢ GIAI ĐOẠN KHÁC)
	Kết cấu - Structure	Kết cấu bê tông cốt thép và thép - RC & Steel Structure						
	Tầng cao - Stories	1 tầng - 1 Stories						
	DT XD - Building Area	1,555.5 m²			TỶ LỆ RATIO	20.4 %		
	Đất dự trữ - Future Use	5,052.3 m²		CHIỀU CAO HEIGHT		8.4 m		
	Tổng diện tích sàn xd Total Floor Area	TOTAL: 1,680.5 m²		KHU VỰC BÃI XE PARKING AREA		... xe máy ... Motocycles	... xe ô tô ... car	
Mật độ XD - Building Coverage		4.4 %						

DIỆN TÍCH XÂY DỰNG - AREA OUTLINE (PHASE 3) ĐƠN VỊ - UNIT : m²

CÔNG TRÌNH BUILDING	NHÀ XƯỞNG C - XÂY MỚI Factory C New construction	TRẠM BƠM-BỂ NƯỚC NGẦM CẢI TẠO Water tank + Pumproom Remodeling
TẦNG HẦM UNDERGROUND		125
TẦNG 1 1ST FLOOR	1530	25.5
TỔNG CỘNG TOTAL	1680.5	

HỌA ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT



CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
 TRÁCH NHIỆM WOJIN Construction Co., Ltd
 BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Tháng 12 năm 2017
 Người lập
 Prepared by
 HÀ HỮU HUYỀN
 Kiểm tra
 Checked by
 KIM KYUNG SIK
 Ngày 12/2017
 TỰ VẤN KIẾN TRÚC
 TỰ VẤN KIẾN TRÚC
 LAUD JVC
 T.P. HỒ CHÍ MINH

SỐ QUÂN: 1001
 CHỈ DẪN TỰ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
 80 CH. LÊ CHÂN, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA
 HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
 CH. LAUD JVC CO., LTD
 80 CH. LÊ CHÂN, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA
 HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
 TÊN CHỦ ĐẦU TƯ - GENERAL DIRECTOR:
 LINH BUIYUNG DINH
 THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
LAUD JVC CO., LTD
 ARCHITECTS & CONSULTANTS
Công ty TNHH LAUD JVC
 80 CH. LÊ CHÂN, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA
 HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
 TÊN CHỦ ĐẦU TƯ - GENERAL DIRECTOR:
 BAEEK WOOLIN
 CHỈ DẪN
 KTS. BAEEK WOOLIN
 CHỈ DẪN
 KTS. BAEEK WOOLIN
 THIẾT KẾ
 KTS. LÊ QUANG THANH
 KIỂM TRA
 KTS. HUYỀN NƯỚC TRẦN
 CÔNG TRÌNH - PROJECT:
**NHÀ MÁY DOOJUNG
DOOJUNG FACTORY**
 80 CH. LÊ CHÂN, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA
 HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM
 HẠNG MỤC - DRAWING ITEM:
**CHUNG
GENERAL**
 Tên bản vẽ - DRAWING TITLE:
**THÔNG SỐ THIẾT KẾ
DESIGN SCHEME**
 TỶ LỆ - SCALE: KHÔNG
 SỐ HỒ SƠ BẢN VẼ
 DRAWING NO.:
 A-101

INTERIOR FINISH SCHEDULE / THÔNG KẾ VẬT LIỆU NỘI THẤT HOÀN THIỆN

ITEM	FLOOR	ROOM	FLOOR		THICKNESS	SKIRTING		HEIGHT		WALL		MARK	CEILING		MARK		
		NAME	BASE	FINISH	(T)	F	BASE	FINISH	(H)	S	BASE	FINISH	W	BASE	FINISH	CH	C
FACTORY C	1ST	WORKSHOP	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	LIQUID HARDENER	-	F01					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
		INSPECTION RM	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200	-	F01a	CEMENT MORTAR	ACRYLIC PAINT	100	S01	CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01	CEILING FRAME (T-BAR)	THK9 GYPSUM CEILING TILE	3000	C01
		DRYER RM	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200	-	F01a	CEMENT MORTAR	ACRYLIC PAINT	100	S01	CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01	CEILING FRAME (T-BAR)	THK9 GYPSUM CEILING TILE	3000	C01
		MOLD RM	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	LIQUID HARDENER	-	F01					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01	CEILING FRAME (T-BAR)	THK9 GYPSUM CEILING TILE	3000	C01
		WAREHOUSE - 1	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	LIQUID HARDENER	-	F01					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
		WAREHOUSE - 2	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)		-	F01b					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
		WAREHOUSE - 3	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	LIQUID HARDENER	-	F01					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
		OFFICE	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200	-	F01a	CEMENT MORTAR	ACRYLIC PAINT	100	S01	CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01	CEILING FRAME (T-BAR)	THK9 GYPSUM CEILING TILE	3000	C01
		PRINTING RM	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200	-	F01a	CEMENT MORTAR	ACRYLIC PAINT	100	S01	CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01	CEILING FRAME (T-BAR)	THK9 GYPSUM CEILING TILE	3000	C01
		CORRIDOR	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	LIQUID HARDENER	-	F01					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
		STORAGE - 1	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200	-	F01a	CEMENT MORTAR	ACRYLIC PAINT	100	S01	CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01	CEILING FRAME (T-BAR)	THK9 GYPSUM CEILING TILE	3000	C01
		STORAGE - 2	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)	LIQUID HARDENER	-	F01					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
PUMP HOUSE	1F	WC	CEMENTITIOUS WATERPROOFING / CEMENT MOTAR	THK 9 PORCELAIN TILE (NON-SLIP, 300X300)	50	F02					CEMENTITIOUS WATERPROOFING (H=1.200) CEMENT MOTAR	THK 6 CERAMIC TILE (300X300)	W03	CEILING FRAME (T-BAR)	THK 6 WATERPROOFING GYPSUM CEILING TILE	2400	C02
		PUMP RM	FAIR-FACED CONC (BY FINISHER MACHINE)		-	F01b					CEMENT MORTAR	EMULSION PAINT	W01				
	B1	UNDERGROUND WATER TANK	CONCRETE SLAB, STEEL TROWELLED FINISH	OSMOTIC WATERPROOFING	-	F03					FAIR-FACED CONC (BY SURFACE GRINDER)	OSMOTIC WATERPROOFING WATER SOLUBLE EPOXY COATING	W02		FAIR-FACED CONCRETE		C03

INTERIOR STANDARD DETAIL / CHI TIẾT NỘI THẤT HOÀN THIỆN

SECTION	<table border="1"> <tr> <th>NO.</th> <th>FINISHES</th> </tr> <tr> <td>F01</td> <td>LIQUID HARDENER</td> </tr> <tr> <td>F01a</td> <td>POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200</td> </tr> <tr> <td>F01b</td> <td></td> </tr> </table>		NO.	FINISHES	F01	LIQUID HARDENER	F01a	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200	F01b		FINISHES FAIR-FACED CON'C (BY FINISHER MACHINE) THK9 PORCELAIN TILE (NONSLIP, 300X300) CEMENT MORTAR CEMENTITIOUS WATERPROOFING	OSMOTIC WATERPROOFING STEEL TROWELLED FINISH	WALL FINISH LINE ACRYLIC PAINT FLOOR FINISH LINE
	NO.	FINISHES											
F01	LIQUID HARDENER												
F01a	POLISHED LIQUID HARDENER 5 TIMES SEMI POLISHING & # 1200												
F01b													
* NOTE : THE SLAB LEVEL DIFFERENCE OF WORKSHOP SHOULD BE LESS THAN 3 mm													
MARK	F01		F02		F03		S01						
SECTION	EMULSION PAINT CEMENT MORTAR		WATER SOLUBLE EPOXY COATING OSMOTIC WATERPROOFING FAIR-FACED CON'C (BY SURFACE GRINDER)	FINISHES CEMENT MORTAR CEMENTITIOUS WATERPROOFING	<table border="1"> <tr> <th>NO.</th> <th>FINISHES</th> </tr> <tr> <td>W03</td> <td>THK9 CERAMIC TILE(300X300)</td> </tr> </table>	NO.	FINISHES	W03	THK9 CERAMIC TILE(300X300)				
	NO.	FINISHES											
W03	THK9 CERAMIC TILE(300X300)												
MARK	W01		W02		W03								
SECTION	MAX. 150 MIN. 100 HANGER BOLT SECONDARY CHANNEL CARRYING CHANNEL T-BAR(STL OR AL) THK9 GYPSUM CEILING TILE		MAX. 150 MIN. 100 HANGER BOLT SECONDARY CHANNEL CARRYING CHANNEL T-BAR(STL OR AL) THK 6 WATERPROOFING GYPSUM CEILING TILE	MAX. 150 MIN. 100 HANGER BOLT SECONDARY CHANNEL CARRYING CHANNEL T-BAR(STL OR AL) FAIR-FACED CON'C									
	MARK	C01		C02		C03							

CÔNG TY TNHH
CÔNG TRẮC NGHIỆM VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG
WOOJI
CONSTRUCTION
010756740

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Tháng 12 năm 2017

Người lập:
Prepared by:
Nguyễn Hữu Huỳnh

HÀ HỮU HUỖNH

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
WOJIN Construction Co., Ltd

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Tháng 12 năm 2017

Người lập
Prepared by

Đã duyệt nhà thầu
Owner's representative

Chủ trì
Owner's representative

HÀ HỮU HUYỀN

KIM KYUNG SIK

BAEK WOJIN

DATE: 12/2017

NO. DATE DESCRIPTION APPROVAL

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
Số 01, Lô C, Khu Công Nghiệp Phố Mới
Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

DOOJUNG VIỆT NAM Co., Ltd
Số 01, Lô C, Khu Công Nghiệp Phố Mới
Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
LIM BYUNG SUN

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
LAUD JVC CO., LTD
ARCHITECTS & CONSULTANTS
CÔNG TY TNHH LAUD JVC
Số 01, Lô C, Khu Công Nghiệp Phố Mới
Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
BAEK WOJIN

CHỈ DẪN PROJECT MANAGER:
KTS. BAEK WOJIN

CHỈ DẪN CHECKER:
KTS. BAEK WOJIN

THIẾT KẾ DESIGNER:
KTS. LÊ QUANG THẠNH

REVISION:
KTS. HUYỀN NGỌC TRẦN

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY DOOJUNG
DOOJUNG FACTORY

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
Số 01, Lô C, Khu Công Nghiệp Phố Mới
Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

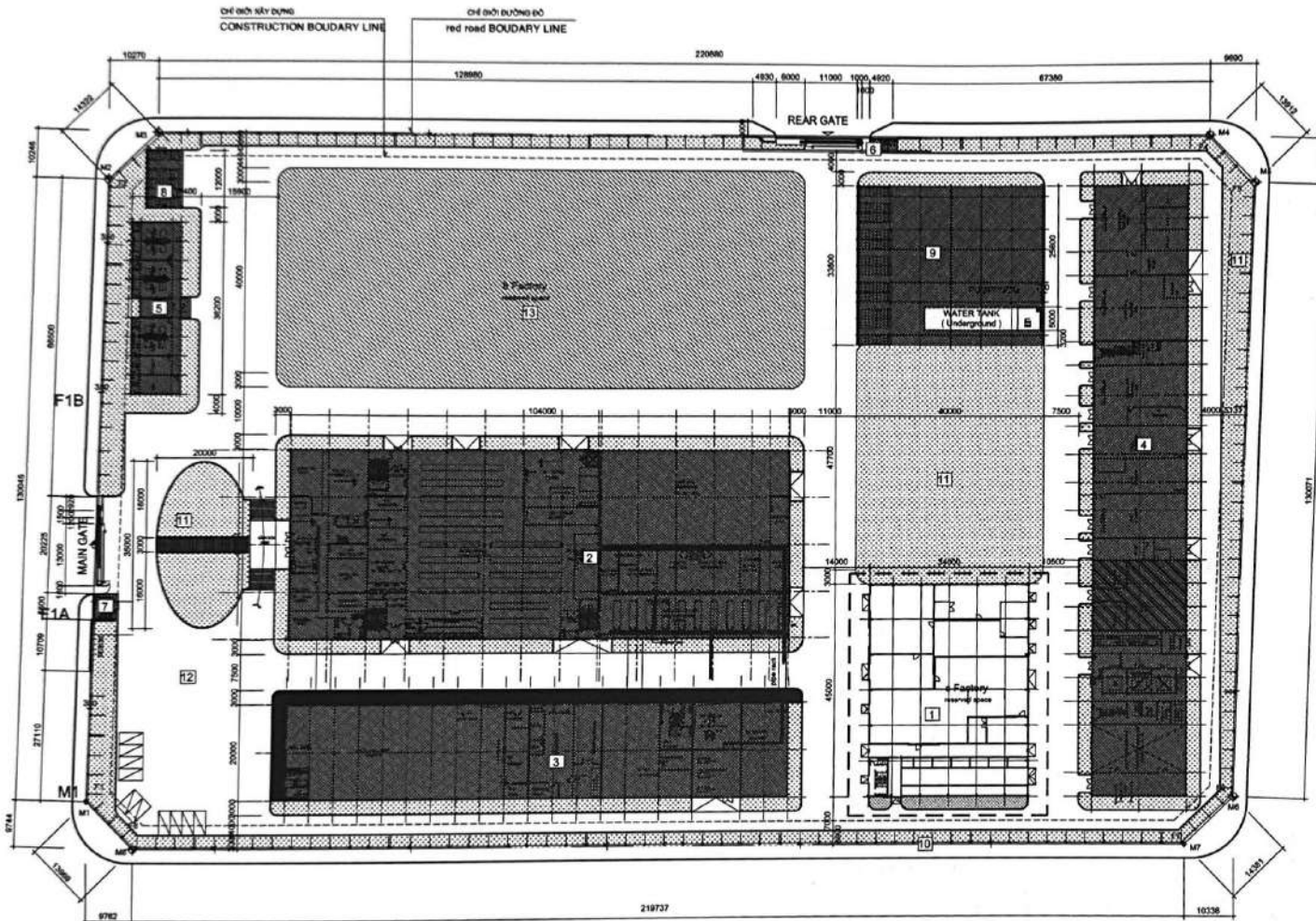
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
TỔNG HỢP GENERAL

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
TK VẬT LIỆU NỘI THẤT HOÀN THIỆN
INTERIOR SCHEDULE
INTERIOR STANDARD DETAILS

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
TỔNG HỢP GENERAL

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
TỔNG HỢP GENERAL

CHÚ THÍCH : _ CÁC CÔNG VÀO NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU KHÔNG CÓ MÃ CHỈ PHÍA TRÊN
_ CÁC HẠNG MỤC KÝ HIỆU SỐ ① ② ③ ④ CÓ KẾT CẤU CỘT BÊ TÔNG CỘT THÉP, TƯỜNG GẠCH CAO ĐẾN MẶT ĐÓNG CHU LỬA LẠC (BÁC 2)



BẢNG CÂN BẢNG ĐẤT ĐAI
LAND BALANCE SHEET

STT NO.	LOẠI ĐẤT TYPE OF SOIL	DIỆN TÍCH AREA (m ²)	TỶ LỆ SCALE (%)
1	ĐT XD GD MỚI - New Building Area : (BUILDING AREA)	1.555.5	4.4
	NHÀ XƯỞNG (Factory)		
2	ĐT XD HIỆN HỮU - Existing Building Area : (BUILDING AREA)	10.306.8	28.7
	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU (Existing)		
3	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH (GREEN AREA)	7.324.1	20.4
4	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ + SÂN BÀN (INNER TRAFFIC AREA + OPEN YARD)	11.812.1	32.4
5	Đất dự trữ - Future Use	5.052.3	14.1
TỔNG CỘNG (TOTAL)		35.852.6	100.00

- CO GRASS
- ĐẤT XÂY DỰNG HIỆN HỮU
EXISTING BUILDING AREA
- ĐẤT DỰ TRỮ
FUTURE USE
- GIỚI HẠN NÀY
THIS PHASE

SYNOPSIS AREA OF DOOJUNG PROJECT

MARK STT	DESCRIPTION CÁC HẠNG MỤC	FLOOR AREA (m ²) DIỆN TÍCH SÀN
1	NHÀ MÁY C (New Construction Factory C)	1,530 M ²
2	NHÀ MÁY - NHÀ VĂN PHÒNG (1H) (Existing Factory - Office)	4,180 M ²
3	NHÀ PHỤ TRỢ A (1H) (Existing Sub Building A)	1,980 M ²
4	NHÀ PHỤ TRỢ B (1H) (Existing Sub Building B)	2,490 M ²
5	NHÀ NGHỈ CHUYỀN GIA (1H) (Existing Guest House)	376.8 M ²
6	NHÀ BẢO VỆ - CÔNG CHÍNH (1H) (Existing Guard House - Main Gate)	28.8 M ²
7	NHÀ BẢO VỆ - CÔNG PHỤ (1H) (Existing Guard House - Rear Gate)	19.2 M ²
8	NHÀ ĐỂ XE ĐẠP - XE MÁY 1 (1H) (Existing Bike Parking - 1)	78.1 M ²
9	NHÀ ĐỂ XE ĐẠP - XE MÁY 2 (1H) (Existing Bike Parking - 2)	1,170.5 M ²
10	NHÀ BƠM + BỂ LƯỚI NGÂM Pumping Purposes + Underground water tank	25.5 M ² 125 M ²
11	TƯỜNG RÀO (Fence)	
12	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH (GREEN AREA)	7,324.1 M ²
13	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ + SÂN BÀN (INNER TRAFFIC + OPEN YARD)	11,837.8 M ²
14	ĐẤT DỰ TRỮ - FUTURE USE	5,052.3 M ²

① 1ST FLOOR MASTER PLAN
MB TỔNG THỂ TRỆT

Scale: A1-1/500, A3-1/1000

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
WOJIN Construction Co., Ltd

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Tháng 12 năm 2017

Người lập
Prepared by

HÀ HỮU HUỖNH

Người nhận
Contractor's representative

KIM KYUNG SIK

AS-BUILT DRAWINGS
Ngày 12/2017

Tư vấn giám sát
Owner's supervisor

BAEK WOJIN

STT NO.	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	SAC MÃ APPROVAL
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			
21			
22			
23			
24			
25			
26			
27			
28			
29			
30			

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

DOOJUNG VIỆT NAM CO., LTD
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
LIM BYUNG SUNG

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT:
LAUD JVC CO., LTD
ARCHITECTS & CONSULTANTS

Công ty TNHH LAUD JVC
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH LAUD JVC
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH LAUD JVC

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
BAEK WOJIN

CHỦ NHIỆM
PROJECT MANAGER

CHỦ NHIỆM
CHIEF ARCHITECT

THIẾT KẾ
DESIGNED

CHỦ NHIỆM
CHECKED

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY DOOJUNG
DOOJUNG FACTORY

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

HẠNG MỤC: BUILDING ITEM:
TỔNG THỂ
GENERAL

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:
TÊN BẢN VẼ: 1ST FLOOR MASTER PLAN
TÊN BẢN VẼ: MB TỔNG THỂ TRỆT

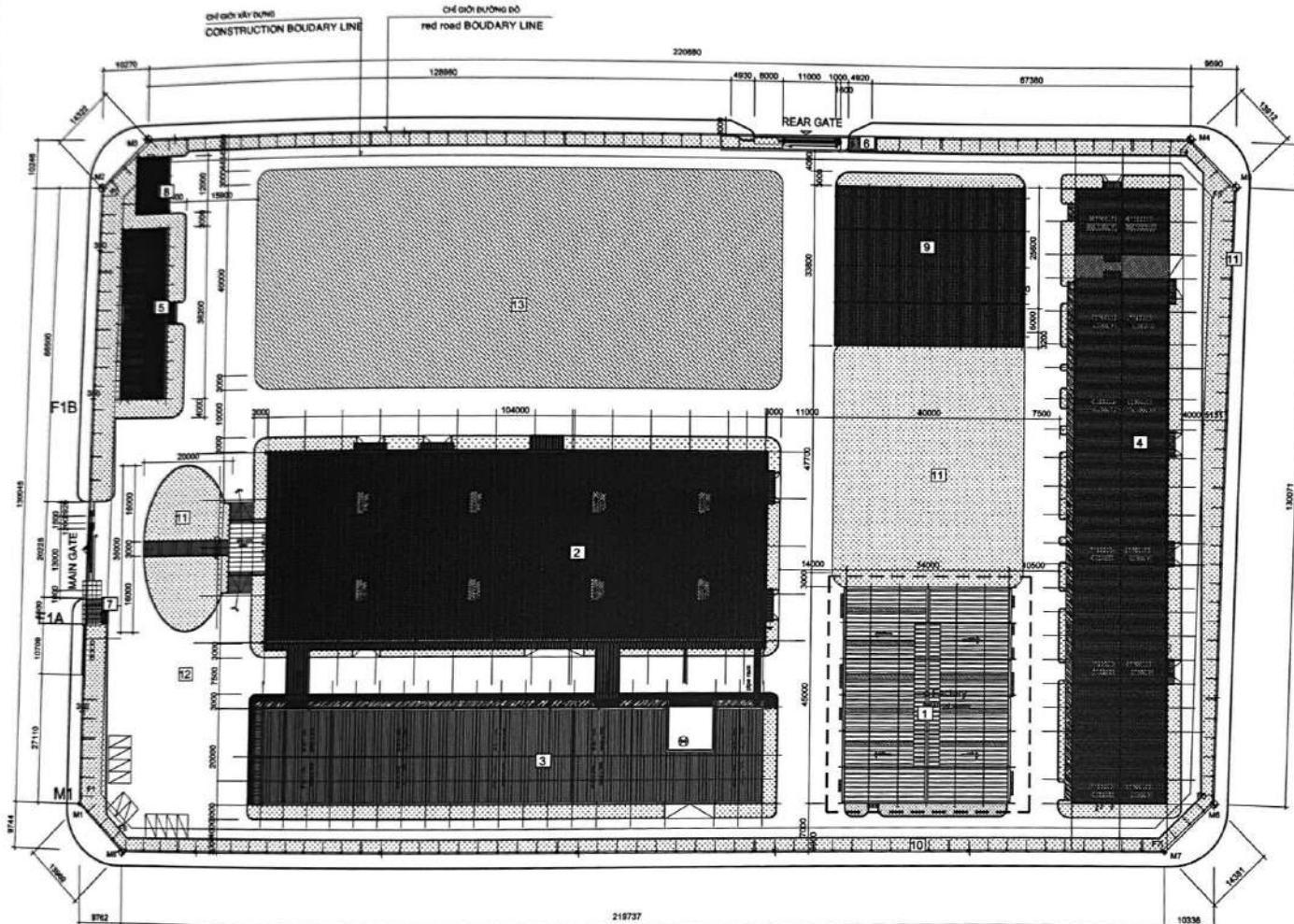
TỶ LỆ: SCALE:
TỶ LỆ: 1:500

LƯU Ý: CHÚ Ý: REMARKS:
LƯU Ý: CHÚ Ý: REMARKS:

NGÀY: DATE:
NGÀY: DATE:

chỉ giới xây dựng
CONSTRUCTION BOUNDARY LINE

chỉ giới đường đỏ
red road BOUNDARY LINE



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT
LAND BALANCE SHEET

STT NO.	LOẠI ĐẤT TYPE OF SOIL	DIỆN TÍCH AREA (m ²)	TỶ LỆ SCALE (%)
1	ĐT XD GD MỚI - New Building Area (BUILDING AREA)	1.555.6	4.4
	NHÀ XƯỞNG (Factory)		
	ĐT XD HIỆN HỮU - Existing Building Area (BUILDING AREA)	10.308.6	28.7
	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU (Existing)		
2	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH (GREEN AREA)	7.324.1	20.4
3	DIỆN TÍCH QUẢNG QUANG THÔNG MỎI BỎ + SÂN BÊ (INNER TRAFFIC AREA + OPEN YARD)	11.812.3	32.4
4	Đất dự trữ - Future Use	5.082.3	14.1
	TỔNG CỘNG (TOTAL)	35.852.6	100.00

- CO GRASS
- ĐẤT XÂY DỰNG HIỆN HỮU
EXISTING BUILDING AREA
- ĐẤT DỰ TRỮ
FUTURE USE
- GIỚI ĐOẠN NÀY
THIS PHASE

SYNOPSIS AREA OF DOOJUNG PROJECT

MARK STT	DESCRIPTION CÁC HẠNG MỤC	FLOOR AREA (M ²) DIỆN TÍCH SÀN
1	NHÀ MÁY C (New Construction Factory C)	1,530 M ²
2	NHÀ MÁY - NHÀ VĂN PHÒNG (NH) (Existing Factory - Office)	4,180 M ²
3	NHÀ PHỤ TRỢ A (NH) (Existing Sub Building A)	1,580 M ²
4	NHÀ PHỤ TRỢ B (NH) (Existing Sub Building B)	2,490 M ²
5	NHÀ NGHỈ CHUYỀN GIA (NH) (Existing Guest House)	378.5 M ²
6	NHÀ BẢO VỆ - CÔNG CHỨC (NH) (Existing Guard House - Main Gate)	28.8 M ²
	NHÀ BẢO VỆ - CÔNG PHỤ (NH) (Existing Guard House - Rear Gate)	16.2 M ²
	NHÀ ĐỂ XE ĐẠP - XE MÁY 1 (NH) (Existing Bike Parking - 1)	78.1 M ²
7	NHÀ ĐỂ XE ĐẠP - XE MÁY 2 (NH) (Existing Bike Parking - 2)	1,178 M ²
8	NHÀ BƠM + BỂ HƯỚC NƯỚC Pumping Pumping + Underground water tank	125 M ²
9	TƯỜNG RÀO (Fence)	
10	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH (GREEN AREA)	7,324.1 M ²
11	QUẢNG QUANG THÔNG MỎI BỎ + SÂN BÊ (INNER TRAFFIC + OPEN YARD)	11,812.3 M ²
12	ĐẤT DỰ TRỮ - FUTURE USE	5,082.3 M ²
13		

1 ROOF MASTER PLAN
A MB TỔNG THỂ MÀI

Scale: A1-1/500, A3-1/1000

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
CÔNG TY TNHH WOJIN Construction Co., Ltd

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Tháng 12 năm 2017

Người vẽ
Prepared by

Người giám sát
Director's representative

HÀ HỮU HUỖNH

KIM KYUNG SIK

AS-BUILD DRAWINGS
Date: 12/2017

Tư vấn giám sát
Owner's supervisor

TRÁCH NHIỆM HOÀN CÔNG
LAUD JVC

BAEK WOJIN

HẠNG MỤC: BUILDING ITEM:

TỔNG THỂ
GENERAL

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE:

TÊN QUẢN LÝ: GENERAL DIRECTOR:

ROOF MASTER PLAN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÀI

TỶ LỆ: SCALE:

LƯU SỐ MẸP: SHEET FOR:

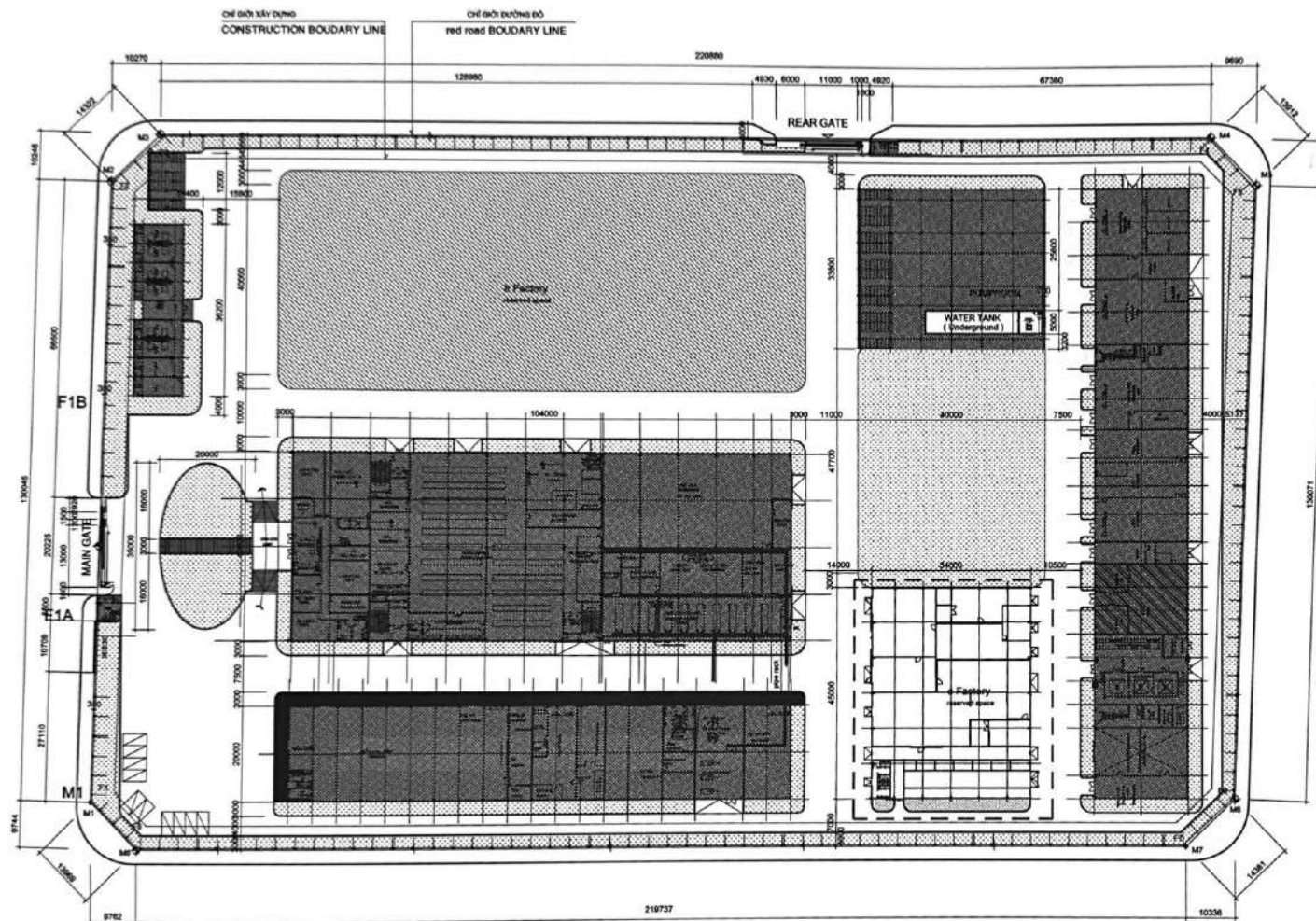
TK.T.C

CONSTRUCTION DESIGN

NGÀY: DATE:

35 PHIÊN BẢN VẼ
DRAWING NO.

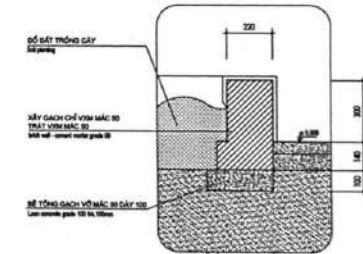
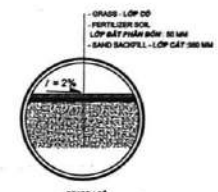
A-302



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI
LAND BALANCE SHEET

STT NO.	LOẠI ĐẤT TYPE OF SOIL	DIỆN TÍCH AREA (m ²)	TỶ LỆ SCALE (%)
1	ĐẤT XÂY DỰNG MỚI - New Building Area (BUILDING AREA)	1.685.5	4.4
	NHÀ MÁY (Factory)		
2	ĐẤT XÂY DỰNG HIỆN HỮU - Existing Building Area (BUILDING AREA)	10.308.8	26.7
	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU (Existing)		
3	DIỆN TÍCH BÁT CÂY XANH (GREEN AREA)	7.324.1	18.4
4	DIỆN TÍCH BƯỞNG GIAO THÔNG NỘI BỘ + SÂN BÀ (INNER TRAFFIC AREA + OPEN YARD)	11.612.1	29.4
5	Đất dự trữ - Future Use	5.052.3	12.5
	TỔNG CỘNG (TOTAL)	36.082.8	100.00

- CỎ GRASS
- ĐẤT XÂY DỰNG HIỆN HỮU EXISTING BUILDING AREA
- ĐẤT DỰ TRỮ FUTURE USE
- GIỚI ĐOẠN NÀY THIS PHASE



DETAIL CURB
CHI TIẾT BỐ VÍA BỐN HOA

1 LANDSCAPE MASTER PLAN
MB TỔNG THỂ CÂY XANH

Scale: A1-1/500, A3-1/1000

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
WOJIN Construction Co., Ltd

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Tháng 12 năm 2017

Người lập
Prepared by

Trưởng nhiệm hữu hạn
Owner's representative

Tư vấn giám sát
Owner's supervisor

HÀ HỮU HUYNH

KIM KYUNG SIK

BAEK WOJIN

CHỖ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM
Số 01, Đường Võ Văn Kiệt, Phường 12, Quận 5, TP. HCM

CHỖ XÂY DỰNG - CONSTRUCTION SITE:
DOOJUNG VIỆT NAM CO., LTD
Cụm công nghiệp Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
LIM BYUNG SUN

THIẾT KẾ HIỆN TRÚC - MAIN ARCHITECT:
LAUD JVC CO., LTD
ARCHITECTS & CONSULTANTS
Công ty TNHH LAUD JVC
Số 01, Đường Võ Văn Kiệt, Phường 12, Quận 5, TP. HCM
Tel: +84.8.811.1002

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
BAEK WOJIN

CHẾ NHẠP PROJECT MANAGER:
KTS. BAEK WOJIN

CHẾ THẺ CHIEP ARCHITECT:
KTS. BAEK WOJIN

THIẾT KẾ DESIGNER:
KTS. LÊ QUANG TRẦN

KÊM CHECKED:
KTS. HUYNH NGOC TRẦN

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY DOOJUNG DOOJUNG FACTORY

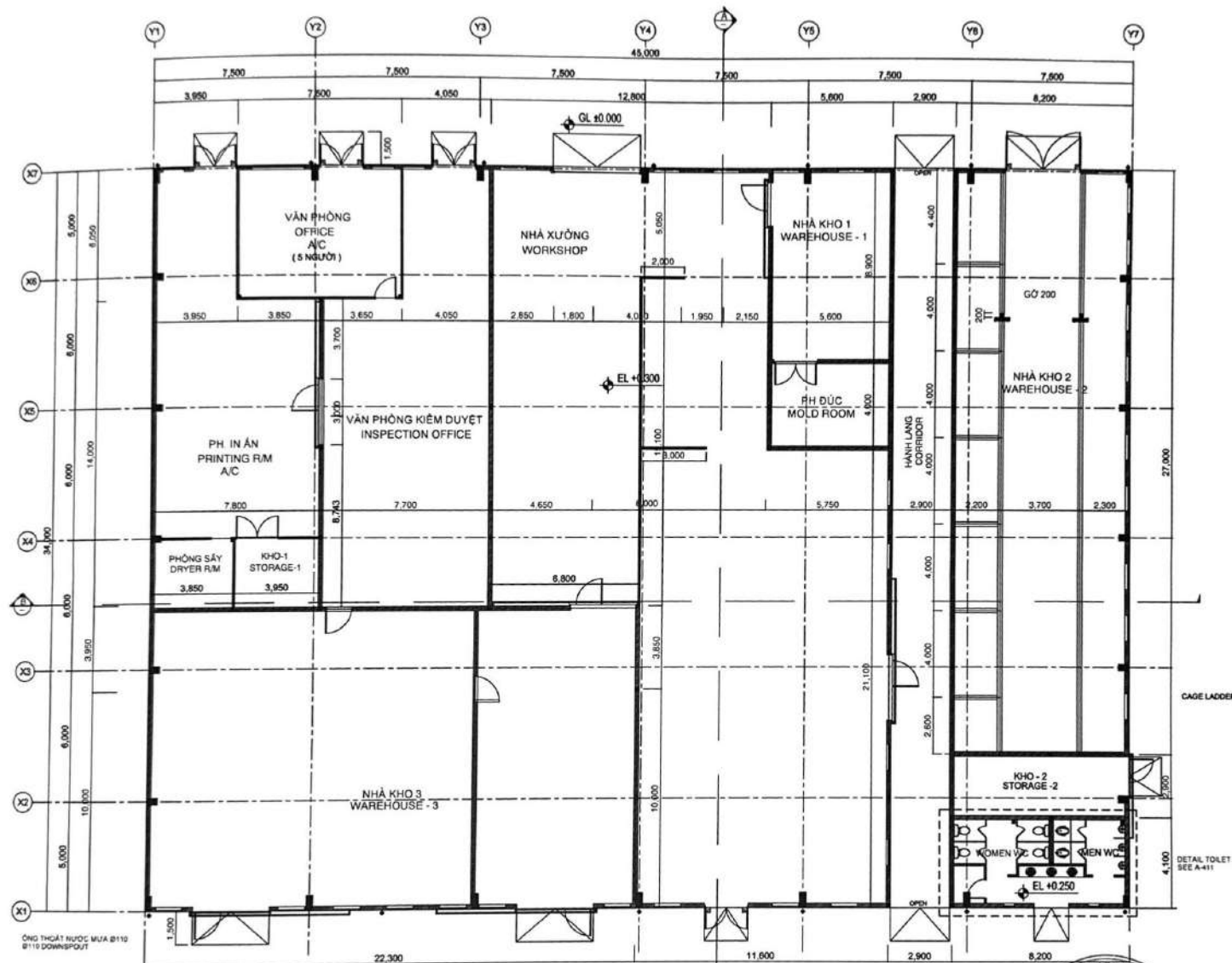
Địa chỉ: Lô 01, Khu Công Nghiệp Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

HỌ TÊN CHỦ ĐẦU TƯ - BUILDING TITLE:
TỔNG THỂ GENERAL

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
MB TỔNG THỂ CÂY XANH LANDSCAPE MASTER PLAN

TỶ LỆ - SCALE:
LƯỚI MÔ HÌNH - MODEL FOR: TKT/C CONSTRUCTION DESIGN

Ngày - DATE:
A-303



ÔNG THẮNG NƯỚC MUA B110
B110 DOWNPOUT

1 1ST FLOOR PLAN
MẶT BANG TRỆT

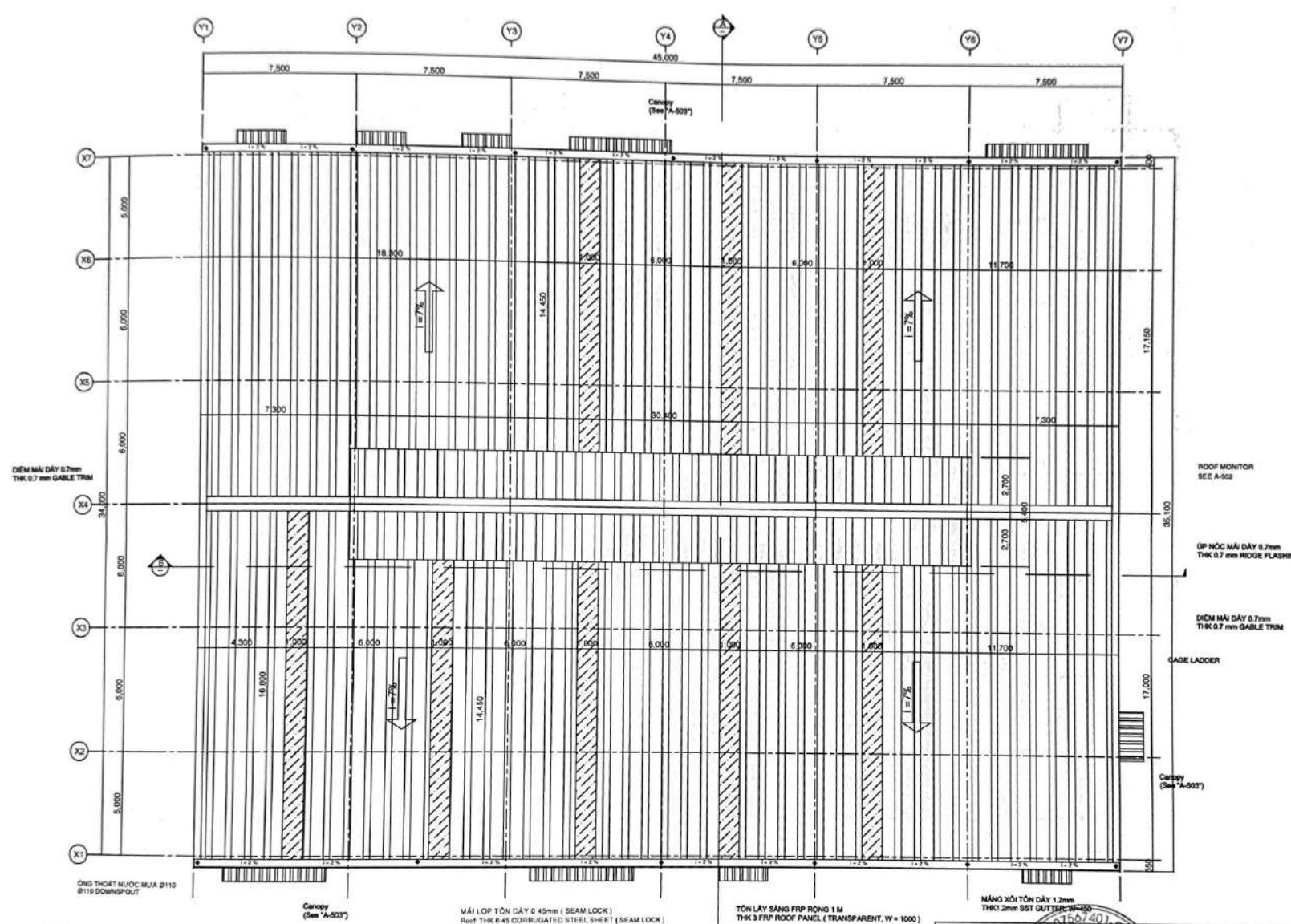
Scale: A1-1/100, A3-1/200

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN WOJIN		AS-BUILD DRAWINGS DATE: 12/2017
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017	Người lập Prepared by HÀ HỮU HUYỀN	Người giám sát Owner's supervisor KIM KYUNG SIK
CHỮ CHỮ T.P.H.		

CHỖ BẤU TỰ - INVESTOR CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM DOOJUNG VIETNAM CO., LTD CÔNG TY TNHH LAUD JVC LAUD JVC CO., LTD CÔNG TY TNHH LAUD JVC LAUD JVC CO., LTD			
TÊN DỰ ÁN - PROJECT NHÀ MÁY DOOJUNG DOOJUNG FACTORY			
HẠNG MỤC - BUILDING ITEM FACTORY - C LƯỚI C			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE 1ST FLOOR PLAN MẶT BANG TRỆT			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NO. A-401		SỐ HẸO BẢN VẼ DRAWING NO.	

BAEK WOJIN

PROJECT INFORMATION			
NO.	DATE	DESCRIPTION	APPROVAL
OWNER - INVESTOR:			
CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM			
HÀNG CHẾ LỬ CHÁI, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NHƯ			
HUYỆN CHƯƠNG KH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM			
OWNER			
DOOJUNG VIỆT NAM Co., Ltd			
CH - IN AREA PHU NHU INDUSTRIAL PARK			
DISTRICT OF CHUONG KH, HANOI CAPITAL, VIETNAM			
GENERAL DIRECTOR:			
LIM BYUNG SUN			
DESIGNER ARCHITECT:			
LAUD JVC CO., LTD		ARCHITECTS & CONSULTANTS	
CÔNG TY TNHH LAUD JVC			
Số 01 - Ngõ 10 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội			
Tel: +84.24.111.1122			
GENERAL DIRECTOR:			
BAEK WOJIN			
PROJECT MANAGER:			
KTS. BAEK WOJIN			
CHECK ARCHITECT:			
KTS. BAEK WOJIN			
DESIGNER:			
KTS. LÊ QUANG THẠNH			
CHECKER:			
KS. NGUYỄN NGỌC TRẦN			
PROJECT:			
NHÀ MÁY DOOJUNG			
DOOJUNG FACTORY			
Số 01 - Ngõ 10 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội			
BUILDING ITEM:			
FACTORY - C		BUILDING C	
DRAWING TITLE:			
ROOF PLAN		MẶT BẰNG Mái	
SCALE: AS SHOWN		SHEET NO. & TOTAL	
T.X.T.C		A-402	
DATE:			



1 ROOF FLOOR PLAN
MẶT BẰNG Mái

Scale: A1-1/100, A3-1/200

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
CÔNG WOJIN Construction Co., Ltd

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Tháng 12 năm 2017

Người lập
Prepared by

HÀ HỮU HUYỀN

Trách nhiệm hữu hạn
Wojin

Trách nhiệm hữu hạn
Wojin

Trách nhiệm hữu hạn
Wojin

KIM KYUNG SIK

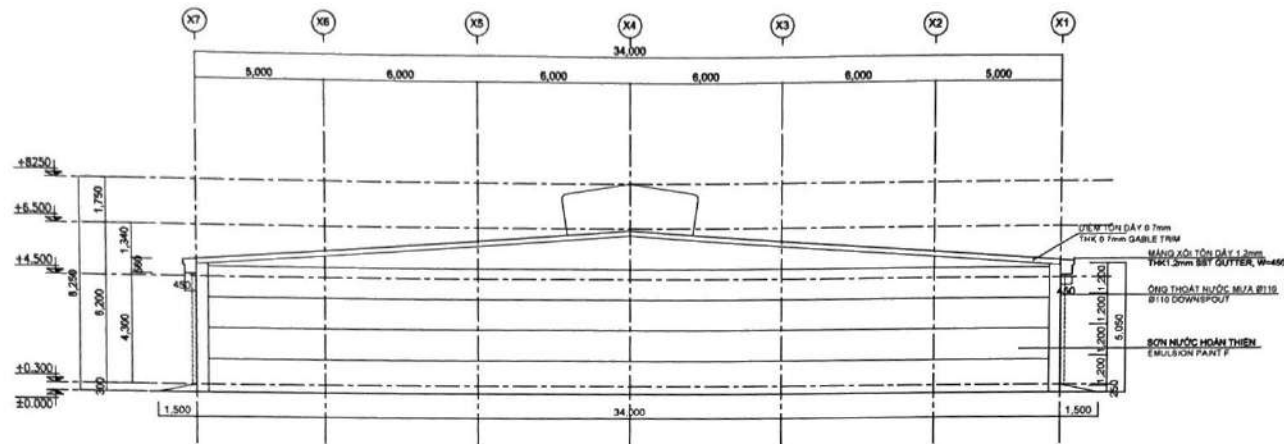
Trách nhiệm hữu hạn
Wojin

Trách nhiệm hữu hạn
Wojin

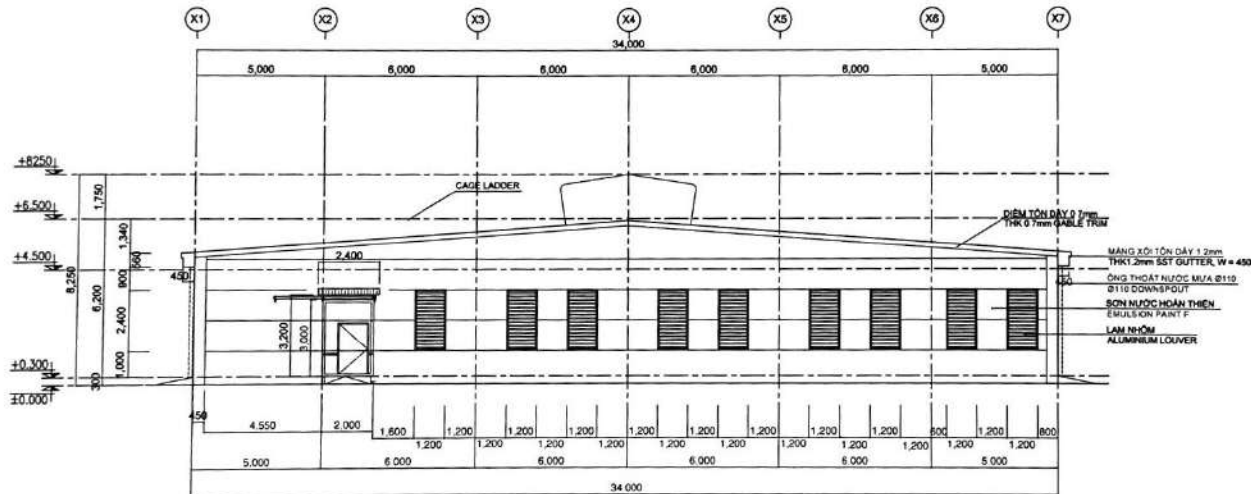
Trách nhiệm hữu hạn
Wojin

BAEK WOJIN

BAEK WOJIN



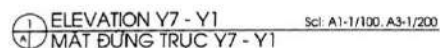
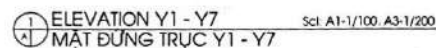
① ELEVATION X7 - X1
MẶT ĐUNG TRỤC X7 - X1



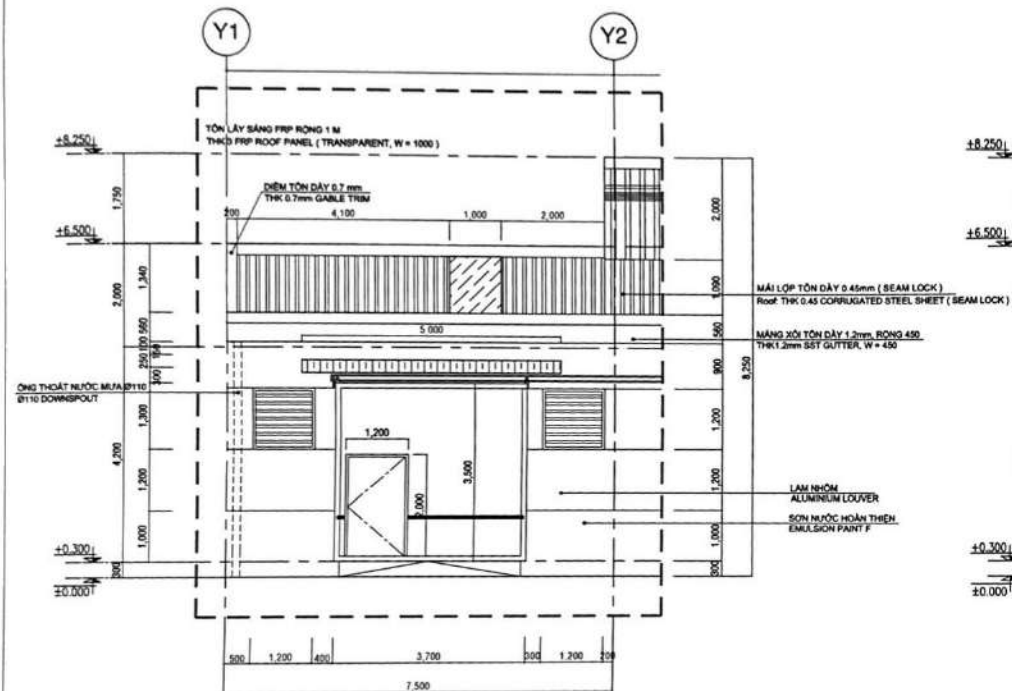
① ELEVATION X1 - X7
MẶT ĐUNG TRỤC X1 - X7

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd. TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN		CÔNG TY TNHH LAUD JVC LAUD JVC CO., LTD. TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017		AS-BUILD DRAWINGS Date: 12/2017	
Người lập Prepared by Hà Hữu Huỳnh		Tư vấn giám sát Owner's supervisor Kim Kyung Sik	
HỒ SƠ THIẾT KẾ HỒ SƠ THIẾT KẾ		HỒ SƠ THIẾT KẾ HỒ SƠ THIẾT KẾ	

CÔNG TRÌNH: PROJECT NHÀ MÁY DOOJUNG FACTORY Dự án: Nhà máy Sản xuất Phụ kiện Huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam			
HẠNG MỤC: BUILDING			
FACTORY - C XƯỞNG C			
Tên bản vẽ: DRAWING TITLE ELEVATION X1-X7, X7-X1 MẶT ĐUNG TRỤC X1-X7, X7-X1			
Tỷ lệ: SCALE: AS SHOWN SỐ PHIÊN BẢN: 1 A-406			

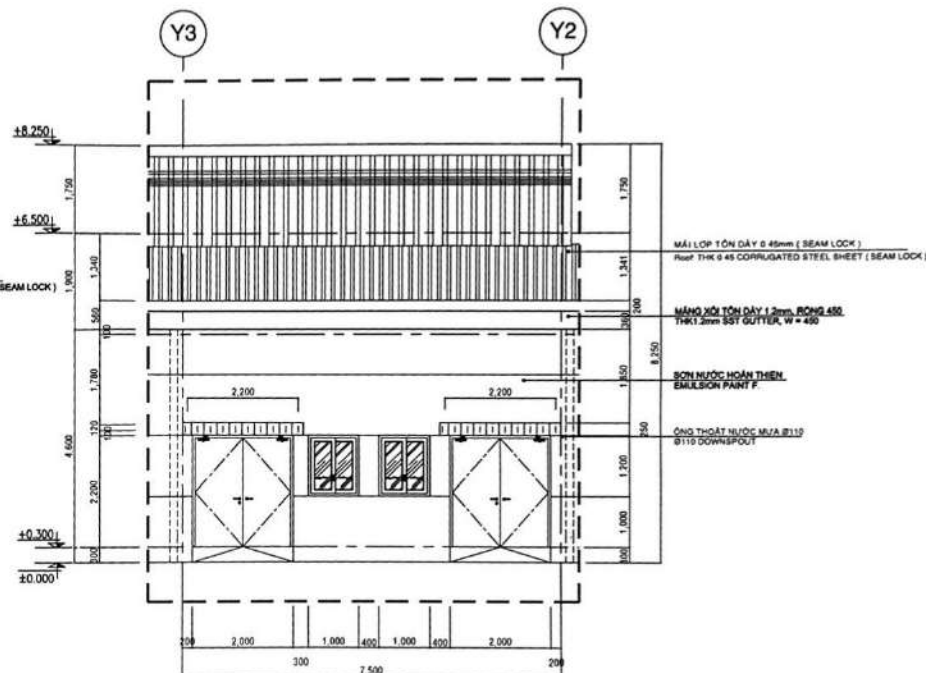


CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd		Huân Chương 18, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017		NAME: BUILDING ITEM FACTORY - C KUNGONG C	
Người lập Prepared by		DATE: 12/2017 TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: YÊU CẦU CÔNG - GENERAL REQUIREMENT: ELEVATION Y1-Y7; Y7-Y1 MẶT ĐƯỜNG TRƯỚC Y1-Y7; Y7-Y1	
Đại diện nhà thầu Contractor's representative		Người giám sát Owner's supervisor	
HÀ HỮU HUYỀN		KIM KYUNG SIK	



1 ELEVATION Y1 - Y2
A1 MẶT ĐUNG TRỰC Y1 - Y2

Scale: A1-1/50, A3-1/100



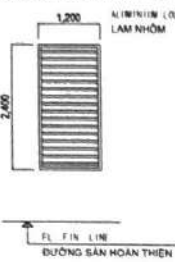
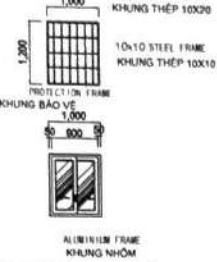
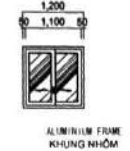
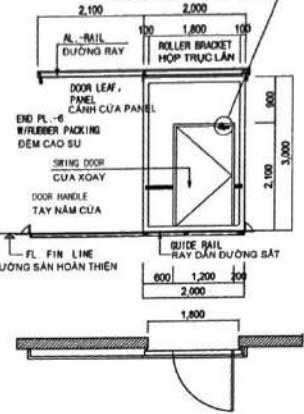
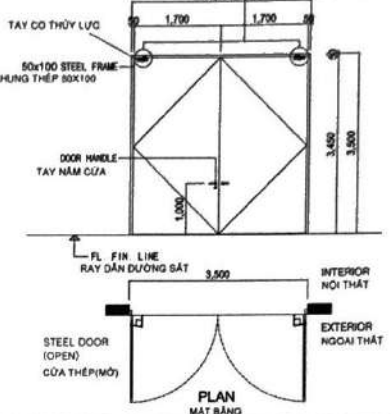
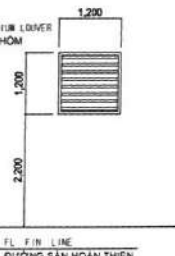
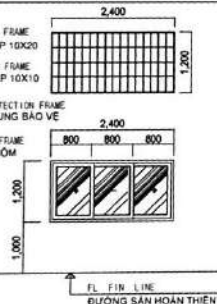
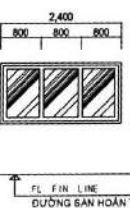
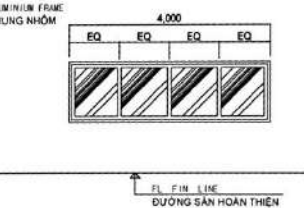
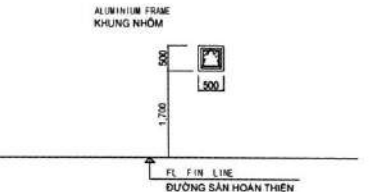
2 ELEVATION Y3 - Y2
A1 MẶT ĐUNG TRỰC Y3 - Y2

Scale: A1-1/50, A3-1/100

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017 Người lập: Prepared by:	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN WOJIN CONSTRUCTION CAUGAY-TPHCM Người đại diện pháp luật Contract's representative
HÀ HỮU HUYNH	KIM KYUNG SIK

CHỖ ĐẦU TƯ - INVESTOR: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM 89 C/Đ. ĐƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM PHƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI DOOJUNG VIỆT NAM CO., LTD 89 C/Đ. ĐƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, PHƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI TỈNH HÀ NỘI - GENERAL DIRECTOR			
LÂM ĐƯƠNG ĐUN			
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECT LAUD JVC CO., LTD ARCHITECTS & CONSULTANTS Công ty TNHH LAUD JVC 89 C/Đ. ĐƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, PHƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI TỈNH HÀ NỘI - GENERAL DIRECTOR			
BAOK WOJIN			
CHỈ DẪN PROJECT MANAGER	KTS. BAOK WOJIN		
CHỈ DẪN CHIEF ARCHITECT	KTS. BAOK WOJIN		
THIẾT KẾ DESIGNER	KTS. LÊ QUANG THANH		
REVIEW CHECKED	KS. HUYNH NGOC TRAN		
CÔNG TRÌNH - PROJECT: NHÀ MÁY DOOJUNG VIETNAM FACTORY 89 C/Đ. ĐƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, PHƯỜNG DOOJUNG VIỆT NAM, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI TỈNH HÀ NỘI - GENERAL DIRECTOR			
HẠNG MỤC - BUILDING ITEM: FACTORY - C XƯỞNG C			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: ELEVATION Y1-Y2, Y3-Y2 MẶT ĐUNG Y1-Y2, Y3-Y2			
TỶ LỆ - SCALE: A1-1/50 A3-1/100		SỐ HẸM BẢN VẼ (DRAWING NO.) A-408	
LƯU HỒ SƠ - ARCHIVE FOR T.K.T.C CONSTRUCTION DESIGN NGÀY - DATE			

BAOK WOJIN

MARK - KÝ HIỆU	AW5	AW6	AW6a	HD5	SD3
	CỬA LAM CHỐNG CHÁY >=45'  ALUMINIUM LOUVER LAM NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN ALUMINIUM LOUVER LAM NHÔM INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	 10x20 STEEL FRAME KHUNG THÉP 10x20 10x10 STEEL FRAME KHUNG THÉP 10x10 PROTECTION FRAME KHUNG BẢO VỆ ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	 ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	(CƠ CẤU TỰ ĐỘNG ĐÓNG)  2.100 2.000 100 100 100 AL - RAIL ĐƯỜNG RAY ROLLER BRACKET HỘP TRỤC LẮN DOOR LEAF / PANEL CẢNH CỬA PANEL END FL - 6 W/ RUBBER PACKING ĐEM CAO SU SEALING DOOR CỬA XOAY DOOR HANDLE TAY NẮM CỬA FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN GUIDE RAIL RAY DẪN ĐƯỜNG SẮT 600 1.200 200 1.800 PLAN MẶT BẰNG	(CƠ CẤU TỰ ĐỘNG ĐÓNG)  3.500 1.700 1.700 1.000 3.450 3.500 TAY CỖ THỦY LỰC 50x100 STEEL FRAME KHUNG THÉP 50x100 DOOR HANDLE TAY NẮM CỬA FL FIN LINE RAY DẪN ĐƯỜNG SẮT 3.500 INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT STEEL DOOR (OPEN) CỬA THÉP (MỞ) PLAN MẶT BẰNG
FRAME - KHUNG	ALUMINIUM LOUVER LAM NHÔM	ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM	ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM	STEEL FRAME KHUNG THÉP	STEEL FRAME KHUNG THÉP
DOOR - CỬA	-	SLIDING WINDOW, CLEAR GLASS THK = 5 mm CỬA SÓ TRƯỢT KÍNH TRONG DÂY 5 mm	SLIDING WINDOW, CLEAR GLASS THK = 5 mm CỬA SÓ TRƯỢT KÍNH TRONG DÂY 5 mm	STEEL PANEL - PANEL THÉP	STEEL PANEL - PANEL THÉP
GLASS - KÍNH	-	-	-	-	-
FINISH - HOÀN THIÊN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	RUST-RESISTANT PAINTING SƠN CHỐNG TRẦY, GỈ	RUST-RESISTANT PAINTING SƠN CHỐNG TRẦY, GỈ
HARDWARE - BỘ KHÓA	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	HINGE 50A (BẢN LÊ 4EA), DOOR LOCK 1SET (KHÓA CỬA 1 BỘ), DUMMY TRIM 1SET DOOR CLOSER 1SET (CỬA ĐÓNG 2 BỘ), DUST PROOF STRIKE 1SET (CHỐNG GỈ SẮT 1 BỘ) FLUSH BOLT 1SET (MÀN SƠN LỘT 1 BỘ)
QUANTITY - SET SỐ LƯỢNG - BỘ	09	03	01	01	01
MARK - KÝ HIỆU	AW1	AW2	AW2a	AW3	AW4
	 ALUMINIUM LOUVER LAM NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN ALUMINIUM LOUVER LAM NHÔM INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	 10x20 STEEL FRAME KHUNG THÉP 10x20 10x10 STEEL FRAME KHUNG THÉP 10x10 PROTECTION FRAME KHUNG BẢO VỆ ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	 ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	 ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG	 ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM FL FIN LINE ĐƯỜNG SÀN HOÀN THIÊN INTERIOR NỘI THẤT EXTERIOR NGOÀI THẤT PLAN MẶT BẰNG
FRAME - KHUNG	ALUMINIUM LOUVER LAM NHÔM	ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM	ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM	ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM	ALUMINIUM FRAME KHUNG NHÔM
DOOR - CỬA	-	SLIDING WINDOW, CLEAR GLASS THK = 5 mm CỬA SÓ TRƯỢT KÍNH TRONG DÂY 5 mm	WINDOW, CLEAR GLASS THK = 5 mm CỬA SÓ CỐ ĐỊNH KÍNH TRONG DÂY 5 mm	WINDOW, CLEAR GLASS THK = 5 mm CỬA SÓ CỐ ĐỊNH KÍNH TRONG DÂY 5 mm	-
GLASS - KÍNH	-	-	-	-	-
FINISH - HOÀN THIÊN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	ELECTROSTATIC POWDER COATING SƠN TĨNH ĐIỆN	-
HARDWARE - BỘ KHÓA	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN	-
QUANTITY - SET SỐ LƯỢNG - BỘ	20	01	01	02	-

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION

AWING WINDOW, CLEAR GLASS THK = 5 mm CỬA LẮT KÍNH TRONG DÂY 5 mm

Tháng 12 năm 2017

Prepared by

BY VENDOR - THEO NGƯỜI BÁN

Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận

0000000000

CHỖ DẤU TÝP - INVESTOR

CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

80/01 LÔ C10/01, KHU C10, PHƯỜNG THẠNH PHƯỚC, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

0000000000

DOOJUNG VIỆT NAM CO., LTD

80/01 LÔ C10/01, KHU C10, PHƯỜNG THẠNH PHƯỚC, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

0000000000

LÂM BÌNH NGUYỄN

THIẾT KẾ NỘI THẤT - NHÀ MÁY

LAUD JVC CO., LTD

80/01 LÔ C10/01, KHU C10, PHƯỜNG THẠNH PHƯỚC, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

0000000000

Công ty TNHH LAUD JVC

80/01 LÔ C10/01, KHU C10, PHƯỜNG THẠNH PHƯỚC, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

0000000000

BAEK WOJIN

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

THIẾT KẾ

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

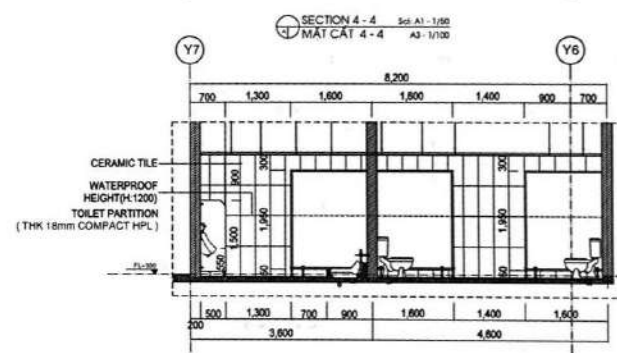
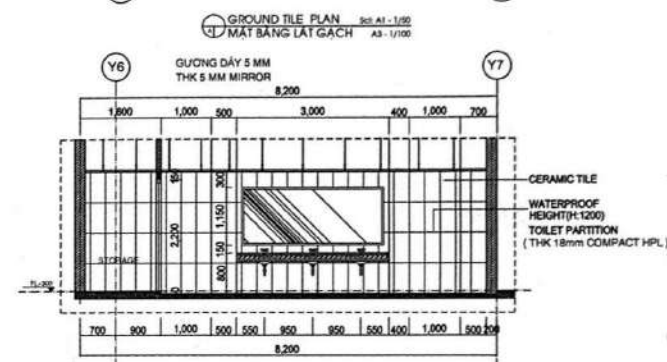
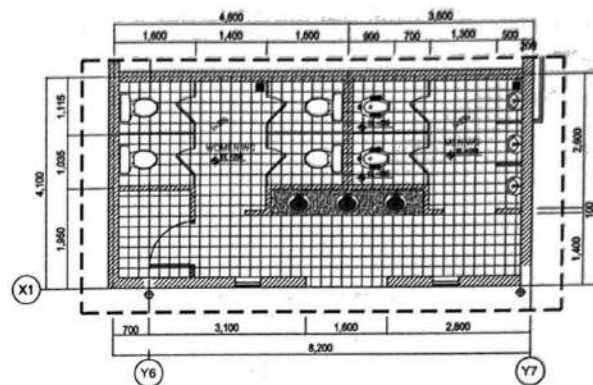
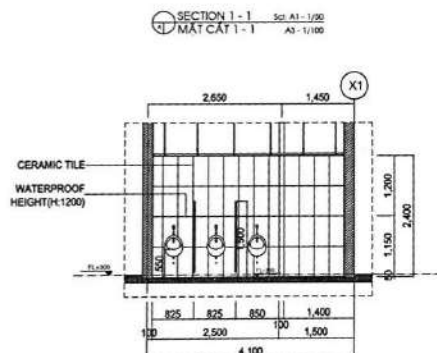
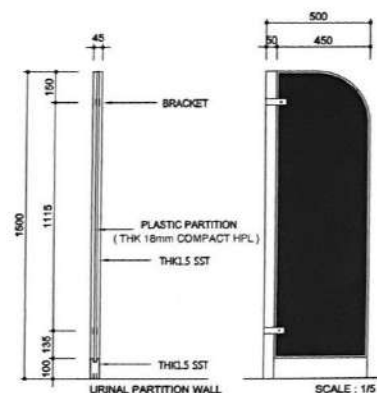
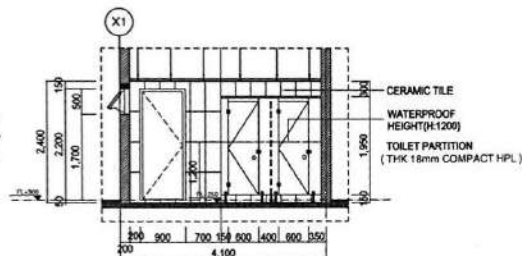
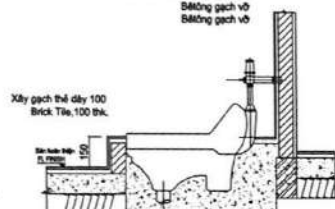
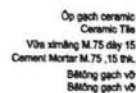
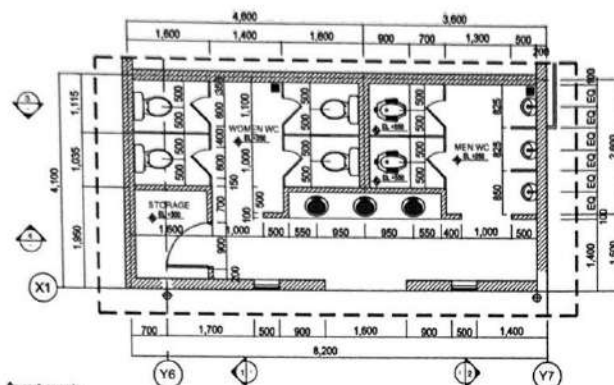
CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

CHIEF ARCHITECT

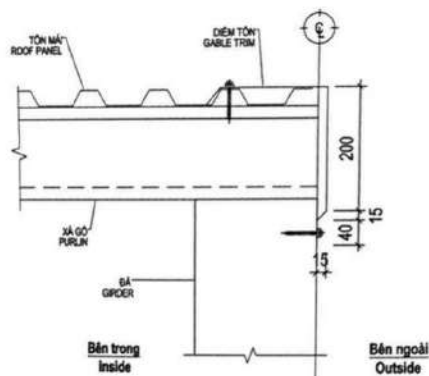
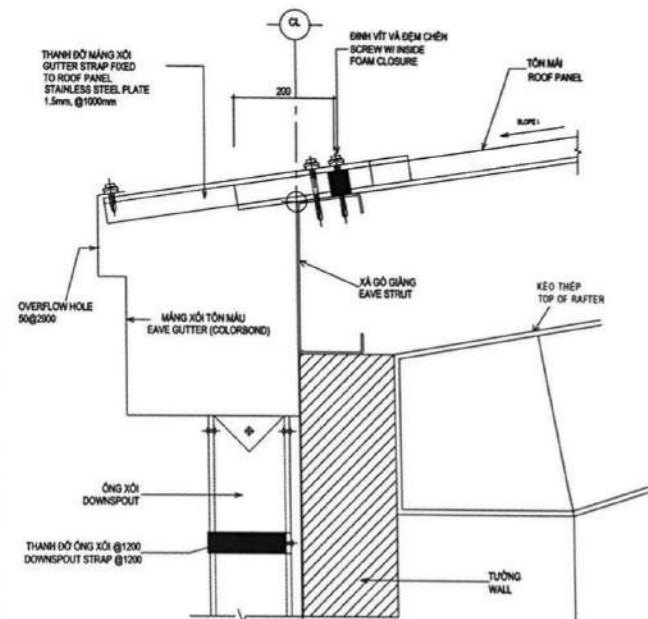
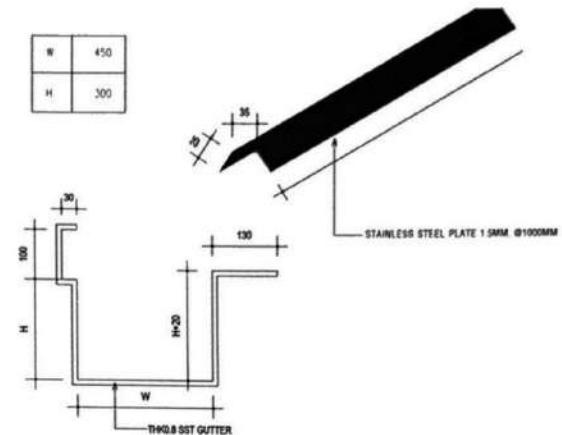
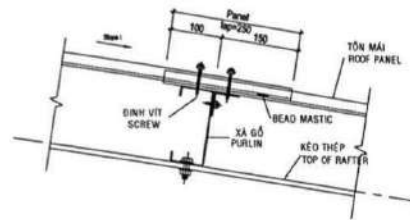
BAEK WOJIN



CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION WOJIN Construction Co., Ltd		Huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Hanoi Huc, BUILDING 10M	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Tháng 12 năm 2017	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN WOJIN CONSTRUCTION Người lập Prepared by	AS-BUILD DRAWINGS Tháng 12/2017 Tru vấn giám sát Owner's supervisor	FACTORY - C XƯỞNG C
HÀ HỮU HUYỀN KIM KYUNG SIK		TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE CHỈ TIẾT VỆ SINH NHÀ - MŨ DETAIL TOILET	
TT LỆ - SCALE: A3-1500 A3-1/100		NỘI DUNG BẢN VẼ DRAWING MS	
A-413		CONSTRUCTION DESIGN DRAWING NAME	

BAEK WOJIN

CHI TIẾT MANG XÔI TÓN MÀU - EAVE GUTTER (COLORBOND)



CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH ĐOÀN KINH VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM



DOJUNG VIỆT NAM Co., Ltd
 CH-SEWEL, PHU NHUONG INDUSTRIAL PARK,
 QUANG ANH DISTRICT, LAI CHAU PROVINCE, VIETNAM

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:	

LEE BYUNG SUN	
---------------	---

LAUD JVC CO., LTD

Công ty TNHH LAUD JVC

© 2002 by Sage Publications. All rights reserved. 10.1177/0898010102238292
 Sage Publications, Inc.
 2455 Teller Road
 Thousand Oaks, CA 91320
 Tel: 805/499-9734

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:	
BAEK HOON-IL	

BANK WOOLIN		
CHIEF	KTS. BANK WOOLIN	

---	---

ONE THE CHIEF ARCHITECT	KTS. BARK WOODIN <i>Bark</i>
----------------------------	---------------------------------

THIẾT KẾ	KTS. LÊ QUANG THẠNH
----------	---------------------

	<i>Kassili</i>
	no distribution made

ĐƯỢC	KS. NGUYỄN QUỐC TRẦN
	<i>Non</i>

COMBINED PROJECT

**NHÀ MÁY DOOJUNG
DOOJUNG FACTORY**

Đã in: 13-04-88, Báo Công nghiệp và Kỹ thuật
Hàng ngày, Thành Phố Hồ Chí Minh

	HAND MIX - BUILDING ITEM
--	--------------------------

CHI TIẾT
DETAIL

	THE NAME OF DRAWING TITLE
--	---------------------------

CHI TIẾT 1
DETAIL 1

TỶ LỆ - SCALE		AS - 10	BỘ HỌ TÊN BẢN VẼ
---------------	--	---------	------------------

AD-38	DRAWING NO.
LOAN NO - ISSUED FOR E.T.C.	

CONSTRUCTION DESIGN	A-501
WEEK - DATE	

CÔNG TY TNHH WOJIN CONSTRUCTION
WOJIN Construction Co., Ltd

BẢN VẼ HOẠCH CÔNG CỘNG TY 0312263170 AS-BUILD DRAWINGS

Trang 12 của 20

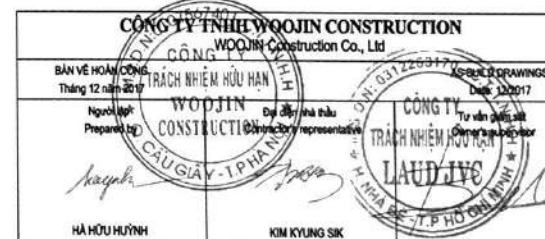
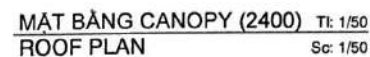
Prepared by **WOODIN CONSTRUCTION** Contractor's representative **TRACH NHIEM HOANG** Owner's supervisor

LAUD JVC

HÀ HỮU HUYNH	KIM KYUNG SIK	
--------------	---------------	---

BARK WOOD

EVER WOOD

[illegible]

BAEK WOON

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS-BUILT DRAWINGS

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
PROJECT: WASTEWATER TREATMENT SYSTEM RENOVATION

ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-B6, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA, HUYỆN CHƯƠNG MỸ,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

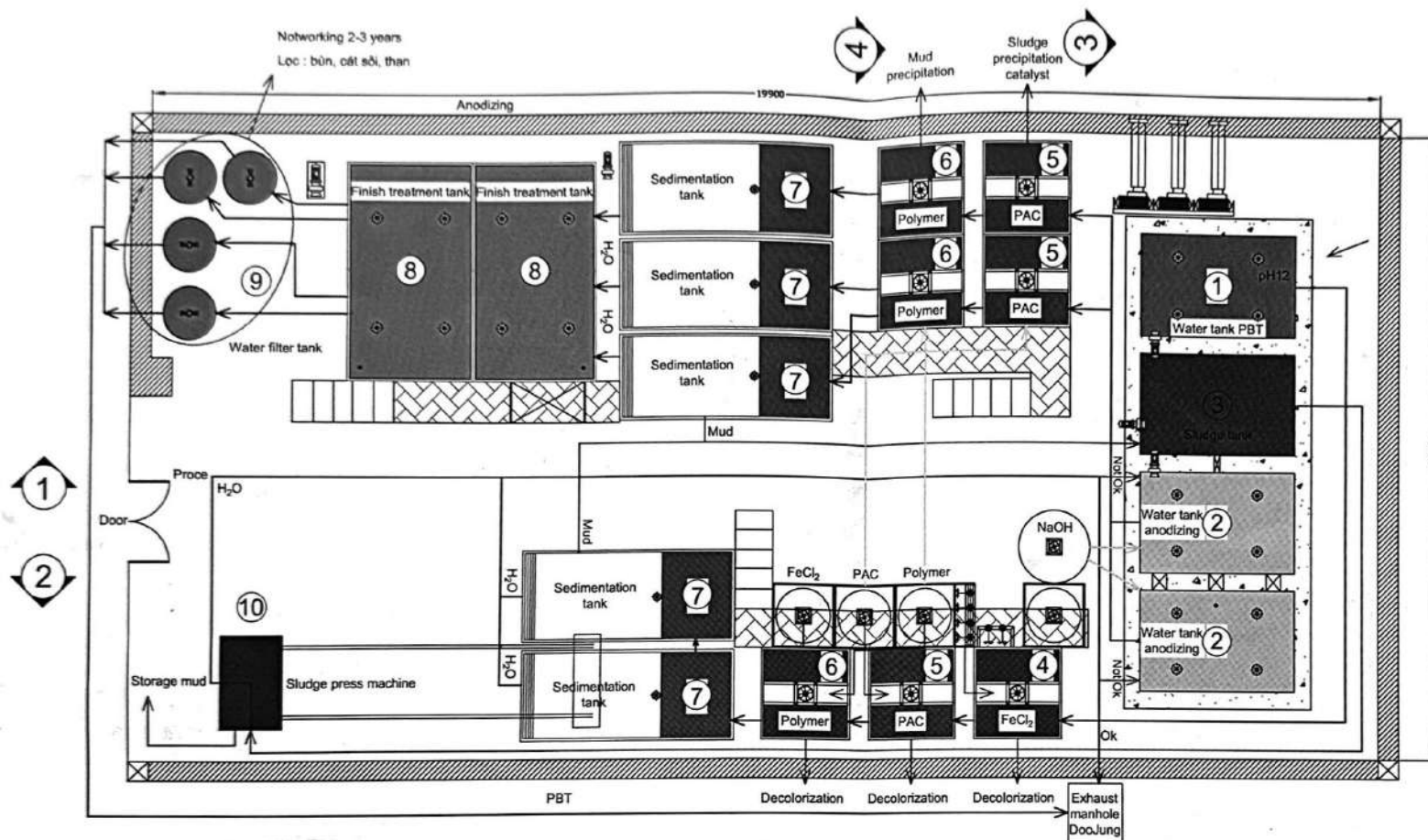
LOCATION: LOT CN-B6, PHU NGHIA IZ, CHUONG MY DISTRICT, HANOI CITY,
VIETNAM

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

OWNER : DOOJUNG VIETNAM CO., LTD

NHÀ THẦU : CÔNG TY CP ĐTPT CÔNG NGHỆ - MTX

CONTRACTOR : MTX TECHNOLOGY DEVELOPMENT INVESTMENT JSC



MẶT BẰNG BỐ TRÍ BỒN BỂ VÀ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ

PAC : 25 - 250 lit
Polymer : 0.4 - 250 lit
NaOH : 100 kg - 2000 lit
FeCl₃ : 30 - 250 lit black, pink
Anodizing pH < 6

DẪN VẼ HOÀN CÔNG		
ngày.....tháng.....năm 20....		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN CÔNG TY	
<i>Tuyen</i>	<i>Don</i>	
<i>N. V. Tuyen</i>	<i>Lô Quang Đăng</i>	

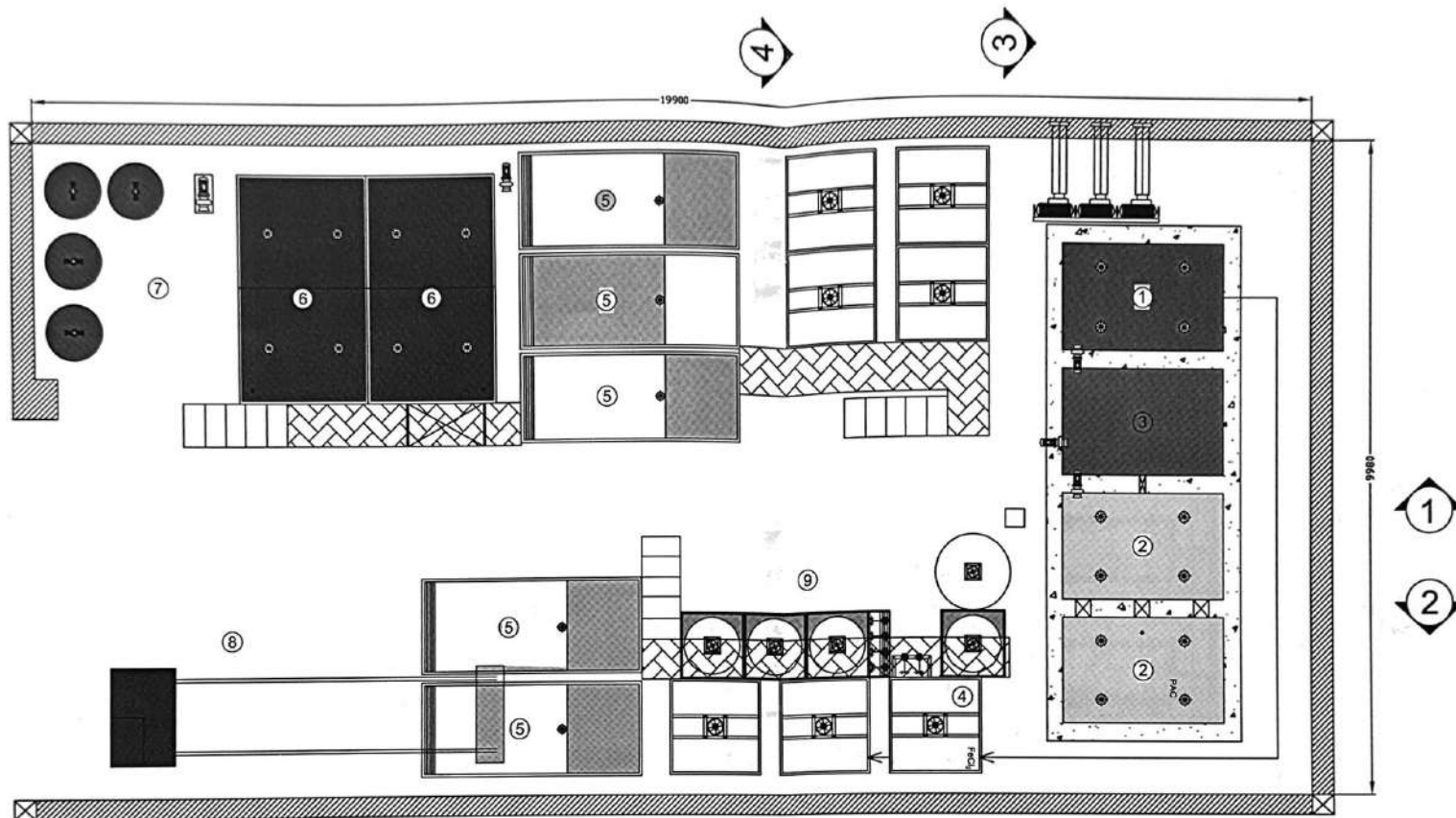
CHÚ THÍCH

- 1: Water tank PBT / Bể gom nước nhợt
- 2: Water tank anodizing / Bể gom nước mạ
- 3: Sludge tank / Bể chứa bùn
- 4: Mixing tank (FeCl₃) / Bể trộn (FeCl₃)
- 5: Mixing tank (PAC) / Bể trộn (PAC)
- 6: Mixing tank (Polymer Cation C1492) / Bể trộn
- 7: Sedimentation tank / Bể lắng
- 8: Finish treatment tank / Bể xử lý nước hoàn thiện
- 9: Water filter tank / Bể lọc nước
- 10: Sludge press machine / Máy ép bùn

WP : BƠM NƯỚC THẢI
SP : BƠM BÓN
AB : MÁY THỞ KHÍ
DMP : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC
pH : THIẾT BỊ pH ONLINE
FM : ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG
LS : PHẠO BẢO MỨC NƯỚC
SSC : ĐỘNG CƠ KUY
CM : ĐỘNG CƠ GIÀM TỐC

— : ĐƯỜNG NƯỚC
— : ĐƯỜNG KHÍ
— : ĐƯỜNG BÓN
— : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
— : ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN

SƠ CHẾ - NOTE			
SỐ DỒ - REVISION			
NO	NGÀY - DATE	NỘI DUNG - CONTENT	DUYỆT - APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM			
HÀ THẦU - CONTRACTOR			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - T.C. MANAGER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ - W.A. DESIGNER	BÙI CÔNG HIỆP	<i>Th</i>	
Kiểm tra - CHECKER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>	
Thiết kế - DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYẾN	<i>tuyen</i>	
QUẢN LÝ - PROJECT			
CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION			
LÔ CN-B6, KCN PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ - DWG TITLE			
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BỒN BỂ VÀ THIẾT BỊ			
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE:		TỈ LỆ - SCALE:	
20....			
Giai đoạn - PHASE:		Bản vẽ số - DWG NO:	
		TXL-00	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÓN BỂ VÀ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ

DẪN VẼ HOÀN CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		
NGƯỜI LẬP	CHỖ DIỆN CÔNG TY	
<i>Tuyen</i>	<i>Dan</i>	
<i>N. J. Tuyen</i>	<i>Lê Quang Đăng</i>	

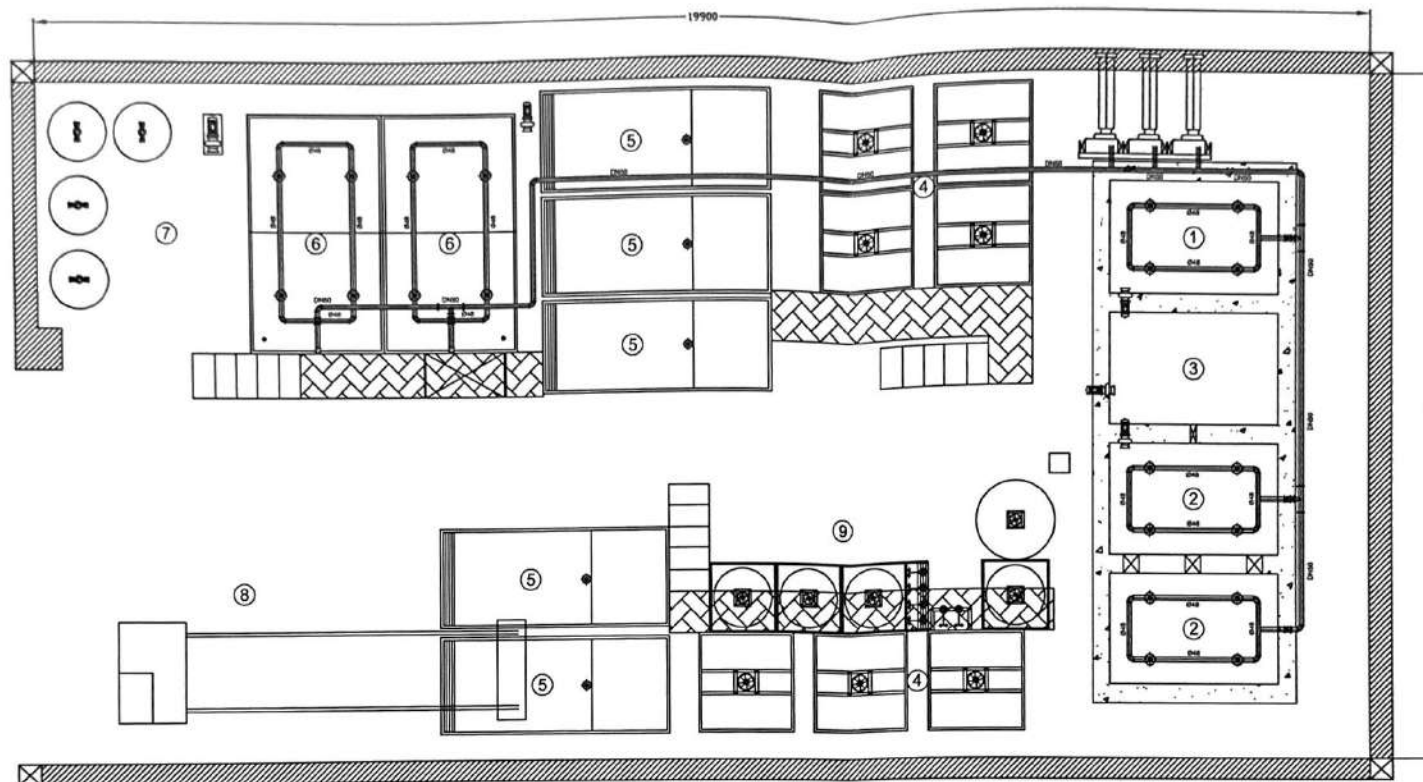
CHÚ THÍCH

- 1: BỂ GOM NƯỚC NHUỘM
- 2: BỂ GOM NƯỚC MẠ
- 3: BỂ CHỨA BÙN
- 4: BỂ HÓA TRỌN
- 5: BỂ LẮNG
- 6: BỂ XỬ LÝ HOÀN THIÊN
- 7: KHU BÓN LỌC
- 8: KHU MÁY ÉP BÙN
- 9: KHU PHA HÓA CHẤT

- WP : BƠM NƯỚC THẢI
 SP : BƠM BÙN
 AB : MÁY THỜI KHÍ
 DMP : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC
 pH : THIẾT BỊ pH ONLINE
 FM : ĐỒNG BỘ LƯU LƯỢNG
 LS : PHẠO BẢO MỨC NƯỚC
 SSC : ĐỘNG CƠ KHUẤY
 CM : ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC

- : ĐƯỜNG NƯỚC
 — : ĐƯỜNG KHÍ
 — : ĐƯỜNG BÙN
 — : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
 — : ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN

GHI CHÚ - NOTE			
HỒ DỒI - REVISION			
NO	NGÀY - DATE	NỘI DUNG - CONTENT	SỰ PHÉP - APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
CÔNG TY TNHH ĐO JUNG VIỆT NAM			
HẠ THỦ - CONTRACTOR			
QUẢN LÝ KT T.C. MANAGER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>[Signature]</i>	
CHỦ TRƯ MAN DESIGNER	BÙI CÔNG HIỆP	<i>[Signature]</i>	
Kiểm CHECKER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>[Signature]</i>	
THIẾT KẾ DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYẾN	<i>[Signature]</i>	
DỰ ÁN - PROJECT			
CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION			
LÔ CN-86, KCN PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ - DWG TITLE			
MẶT BẰNG BỐ TRÍ BÓN BỂ VÀ THIẾT BỊ			
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE		TỶ LỆ - SCALE	
20.....		1:1	
GIAI ĐOẠN - PHASE		BẢN VẼ SỐ - DWG NO	
		TXL-02	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG SỤC KHÍ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày..... tháng..... năm 20....		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	DIỆN CÔNG TY	
<i>Tuyen</i>	<i>Don</i>	
<i>N. J. Tuyen</i>	<i>Lê Quang Đăng</i>	

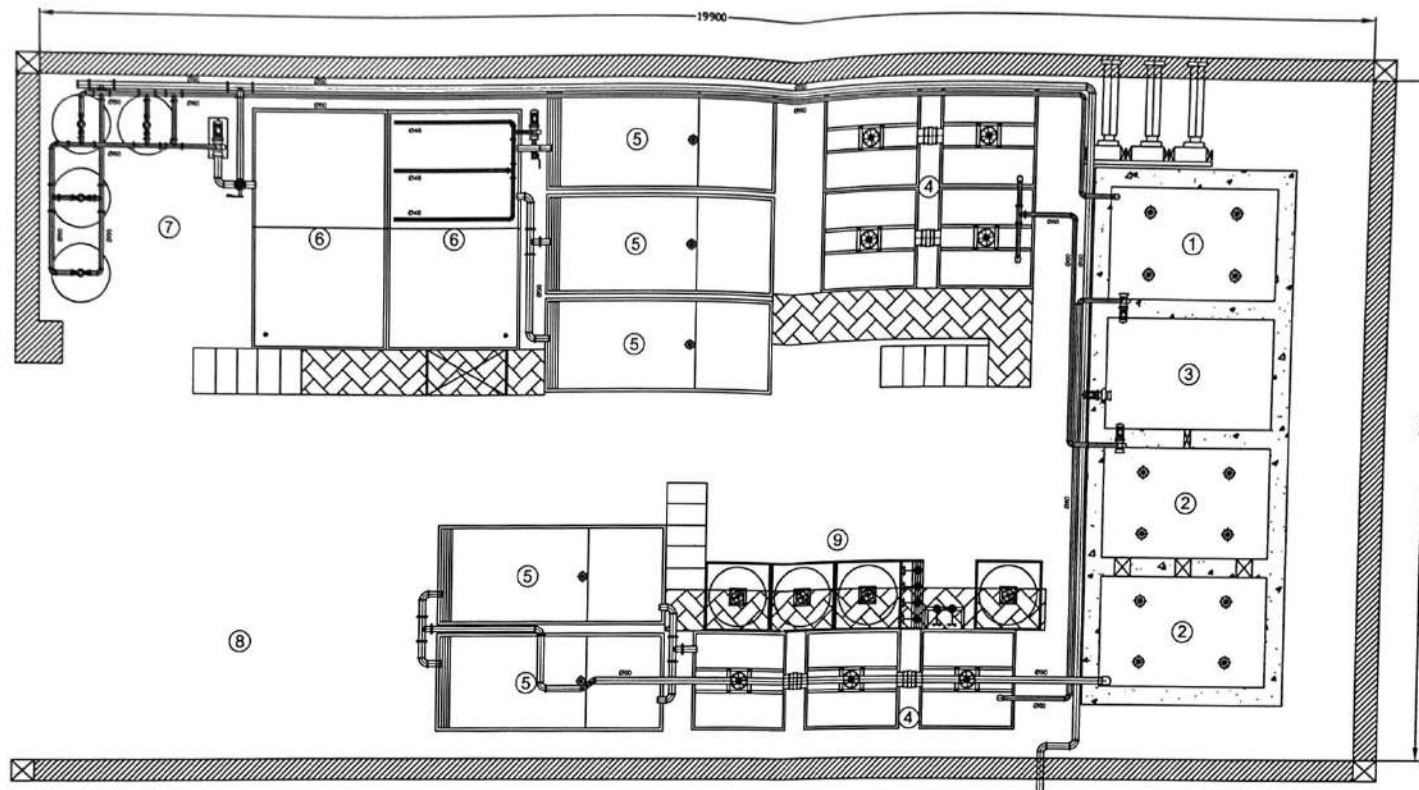
CHÚ THÍCH

- 1: BỂ GOM NƯỚC NHUỘM
- 2: BỂ GOM NƯỚC MẠ
- 3: BỂ CHỨA BÚN
- 4: BỂ HÓA TRỌN
- 5: BỂ LẮNG
- 6: BỂ XỬ LÝ HOÀN THIÊN
- 7: KHU BÓN LỌC
- 8: KHU MÁY ÉP BÚN
- 9: KHU PHA HÓA CHẤT

- WP : BƠM NƯỚC THẢI
 SP : BƠM BÚN
 AB : MÁY THỔI KHÍ
 DMP : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC
 pH : THIẾT BỊ pH ONLINE
 FM : ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG
 LS : PHAO BÁO MỨC NƯỚC
 SSC : ĐỘNG CƠ KHUAY
 CM : ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC

- : ĐƯỜNG NƯỚC
 — : ĐƯỜNG KHÍ
 — : ĐƯỜNG BÚN
 — : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
 — : ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN

GHI CHÚ - NOTE		
SỬA ĐỔI - REVISION		
NO	NGÀY - DATE	NỘI DUNG - CONTENT
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR		
CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM		
HẠ THẦU - CONTRACTOR		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ - MTX CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MTX ĐỐC CÔNG HIỆP		
QUẢN LÝ KỸ T.C. MANAGER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>
CHỦ TRƯ MAN DESIGNER	BUI CÔNG HIỆP	<i>Tha</i>
Kiểm CHECKER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>
THIẾT KẾ DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYẾN	<i>Tuyen</i>
DỰ ÁN - PROJECT		
CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION		
LÔ CN-BE, KCN PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI		
HẠNG MỤC - ITEM		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ - DWG TITLE		
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG SỤC KHÍ		
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE	TỶ LỆ - SCALE	
20..		
QUA ĐOẠN - PHASE	BẢN VẼ SỐ - DWG NO	
	TSL-03	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20....		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	THI CÔNG	
<i>Tuyen</i>	<i>Don</i>	
N.V. Tuyen	Lê Quang Đăng	

CHÚ THÍCH

- 1: BỂ GOM NƯỚC NHUỘM
- 2: BỂ GOM NƯỚC MÀ
- 3: BỂ CHỨA BÙN
- 4: BỂ HÒA TRỘN
- 5: BỂ LẮNG
- 6: BỂ XỬ LÝ HOÀN THIỆN
- 7: KHU BÓN LỌC
- 8: KHU MÁY ÉP BÙN
- 9: KHU PHA HÓA CHẤT

- WP : BƠM NƯỚC THẢI
 SP : BƠM BÙN
 AB : MÁY THỜI KHÍ
 DMP : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC
 pH : THIẾT BỊ pH ONLINE
 FM : ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG
 LS : PHẠO BẢO MỨC NƯỚC
 SSC : ĐỘNG CƠ KHUẤY
 CM : ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC

- : ĐƯỜNG NƯỚC
 → : ĐƯỜNG KHÍ
 → : ĐƯỜNG BÙN
 → : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
 - - : ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN

GH CHÚ: NOTE

SỬA ĐỔI: REVISION

NO	NGÀY: DATE	NỘI DUNG: CONTENT	CHỮ KÝ: SIGNED	CHẤM Duyệt: APPROVED

CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR

CÔNG TY TNHH ĐOÀ JUNG VIỆT NAM

HÀ THẦU: CONTRACTOR



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - MTX



QUẢN LÝ THI CÔNG T.C. MANAGER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>
CHỦ TRÌ MAN DESIGNER	BÙI CÔNG HIỆP	<i>Tha</i>
Kiểm CHECKER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>
THIẾT KẾ DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYẾN	<i>Tuyen</i>

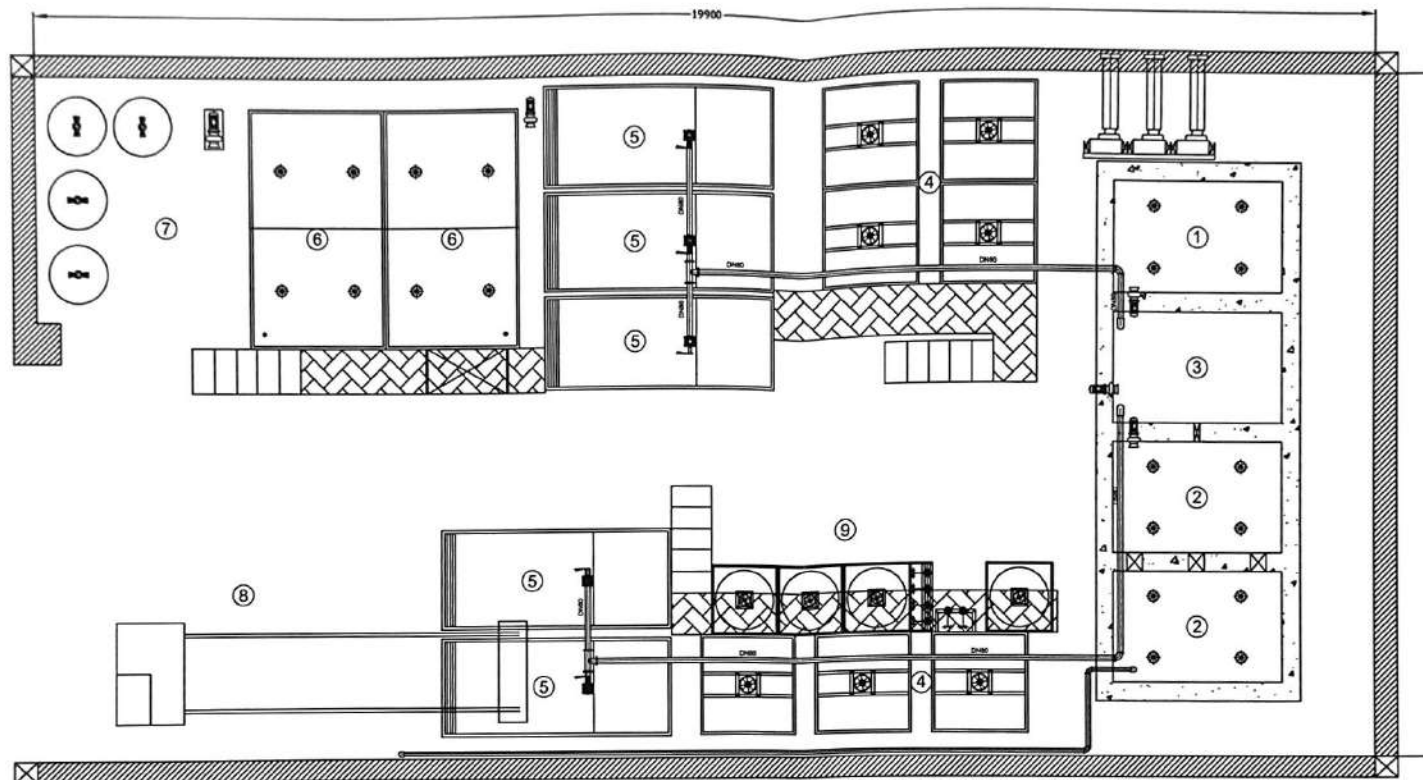
DỰ ÁN: PROJECT
 CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM: LOCATION
 LÔ CN-B6, KINH PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA,
 H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI

HẠNG MỤC: ITEM
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE
 MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI

HOÀN THÀNH: FINISHED DATE	TỶ LỆ: SCALE
20....	
ĐẠI DIỆN: PHASE	BẢN VẼ SỐ: DRAWING NO
	TXL-04



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THẢI BÙN

BẢN VẼ KHOẢN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	CÔNG TY	
<i>N. V. Tuyên</i>	<i>Đan</i>	

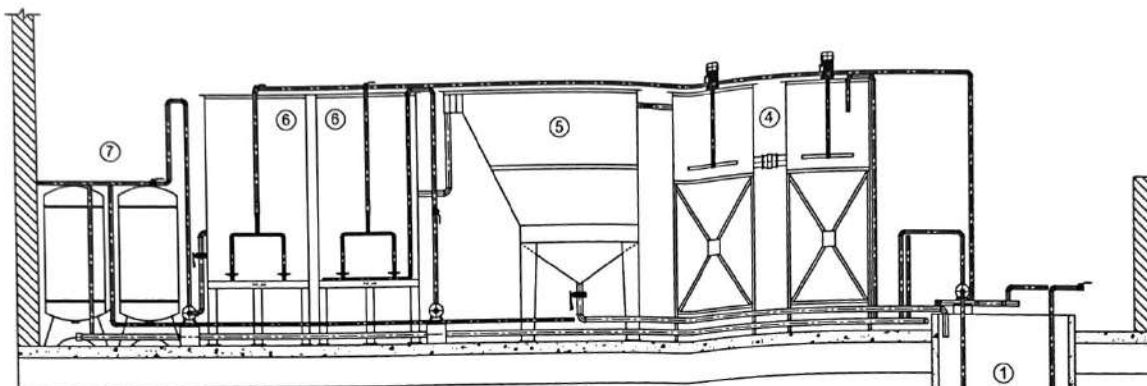
CHÚ THÍCH

- 1: BỂ GOM NƯỚC NHUỘM
- 2: BỂ GOM NƯỚC MÀ
- 3: BỂ CHỨA BÚN
- 4: BỂ HÓA TRỌN
- 5: BỂ LẮNG
- 6: BỂ XỬ LÝ HOÀN THIỆN
- 7: KHU BÓN LỌC
- 8: KHU MÁY ÉP BÚN
- 9: KHU PHA HÓA CHẤT

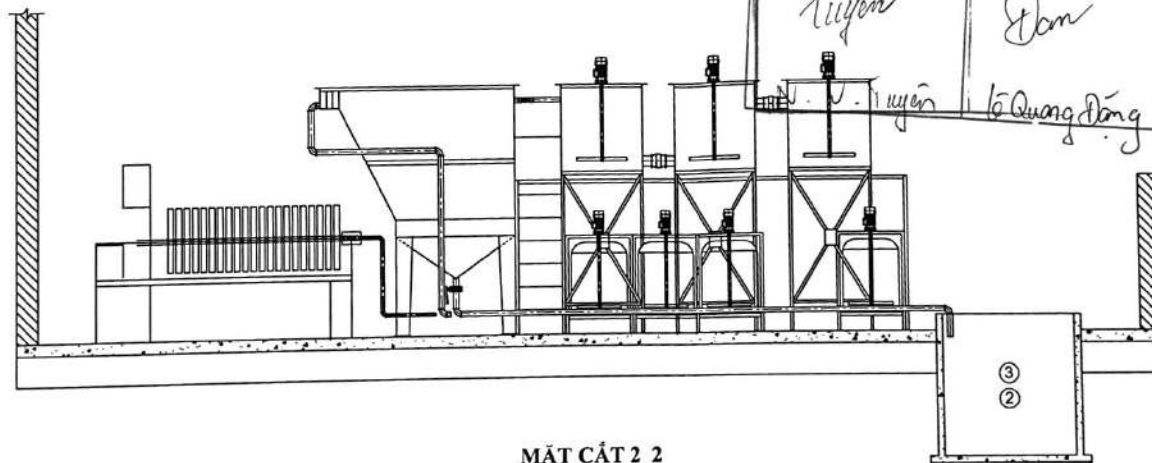
WP : BƠM NƯỚC THẢI
SP : BƠM BÙN
AB : MÁY THỜI KHÍ
DMP : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HC
pH : THIẾT BỊ pH ONLINE
FM : ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG
LS : PHẠO BẢO MỨC NƯỚC
SSC : ĐỘNG CƠ KHUẤY
CM : ĐỘNG CƠ GIẢM TỐC

- : ĐƯỜNG NƯỚC
— : ĐƯỜNG KHÍ
— : ĐƯỜNG BÙN
— : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
- - : ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN

SỬA ĐỔI - NOTE			
SỬA ĐỔI - REVISION			
NO	NGÀY - DATE	NỘI DUNG - CONTENT	SỬ PHÊ - APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
CÔNG TY TNHH ĐO JUNG VIỆT NAM			
HÀ THẦU - CONTRACTOR			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ - MTX			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MTX			
QUẢN LÝ THI CÔNG - T.C. MANAGER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Đan</i>	
CHỦ TRÌ - MAIN DESIGNER	BÙI CÔNG HIỆP	<i>Đan</i>	
Kiểm tra - CHECKER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Đan</i>	
THIẾT KẾ - DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYẾN	<i>tuyen</i>	
DỰ ÁN - PROJECT			
CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION			
LÔ CH-B8, KINH PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ - DRAW TITLE			
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THẢI BÙN			
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE		TỶ LỆ - SCALE	
20...		1:1	
GIAI ĐOẠN - PHASE		BẢN VẼ SỐ - DRAW NO	
		TXL-05	



MẶT CẮT 1_1



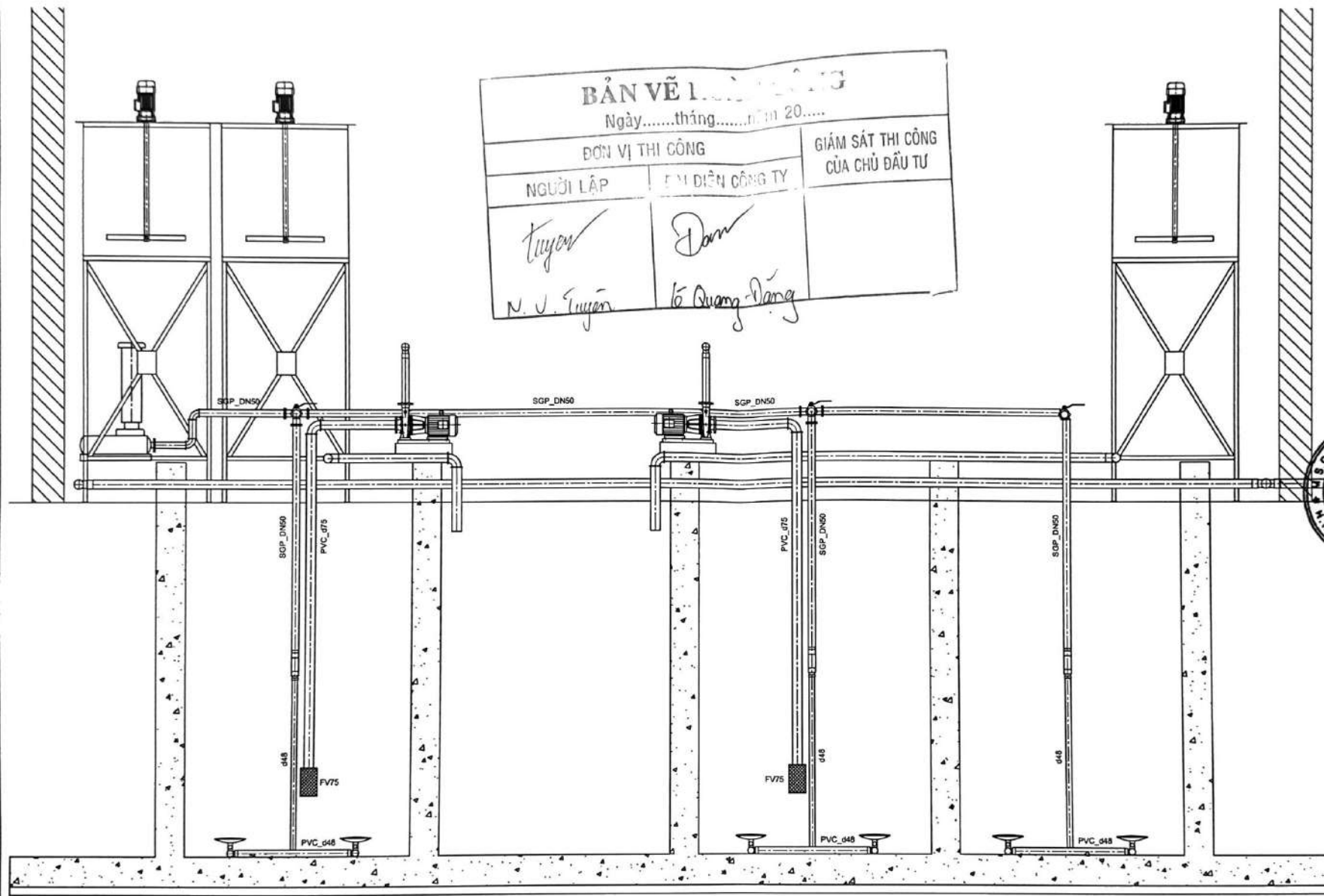
MẶT CẮT 2_2

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN CÔNG TY	
<i>Tuyen</i>	<i>Đan</i>	
<i>Nguyễn Văn Tuyên</i>	<i>Lê Quang Đông</i>	



SỬA SỬ - REVISION			
HẠ	NGÀY - DATE	NỘI DUNG - CONTENT	DUYỆT - APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
CÔNG TY TNHH ĐOÀNG VIỆT NAM			
HẠ THẦU - CONTRACTOR			
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - MTX			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ - MTX			
QUẢN LÝ - T.C. MANAGER	LE QUANG ĐÔNG	<i>Đan</i>	
CHỦ TRƯỞNG - MAN. DESIGNER	BÙI CÔNG HIỆP	<i>Th</i>	
Kiểm tra - CHECKER	LE QUANG ĐÔNG	<i>Đan</i>	
Thiết kế - DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYÊN	<i>tuyen</i>	
DỰ ÁN - PROJECT			
CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION			
LÔ CH-88, KINH PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE			
MẶT CẮT 1-1			
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE:		TỶ LỆ - SCALE:	
20.....		1:100	
DANH MỤC - PHASE:		BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:	
TXL-06		TXL-06	

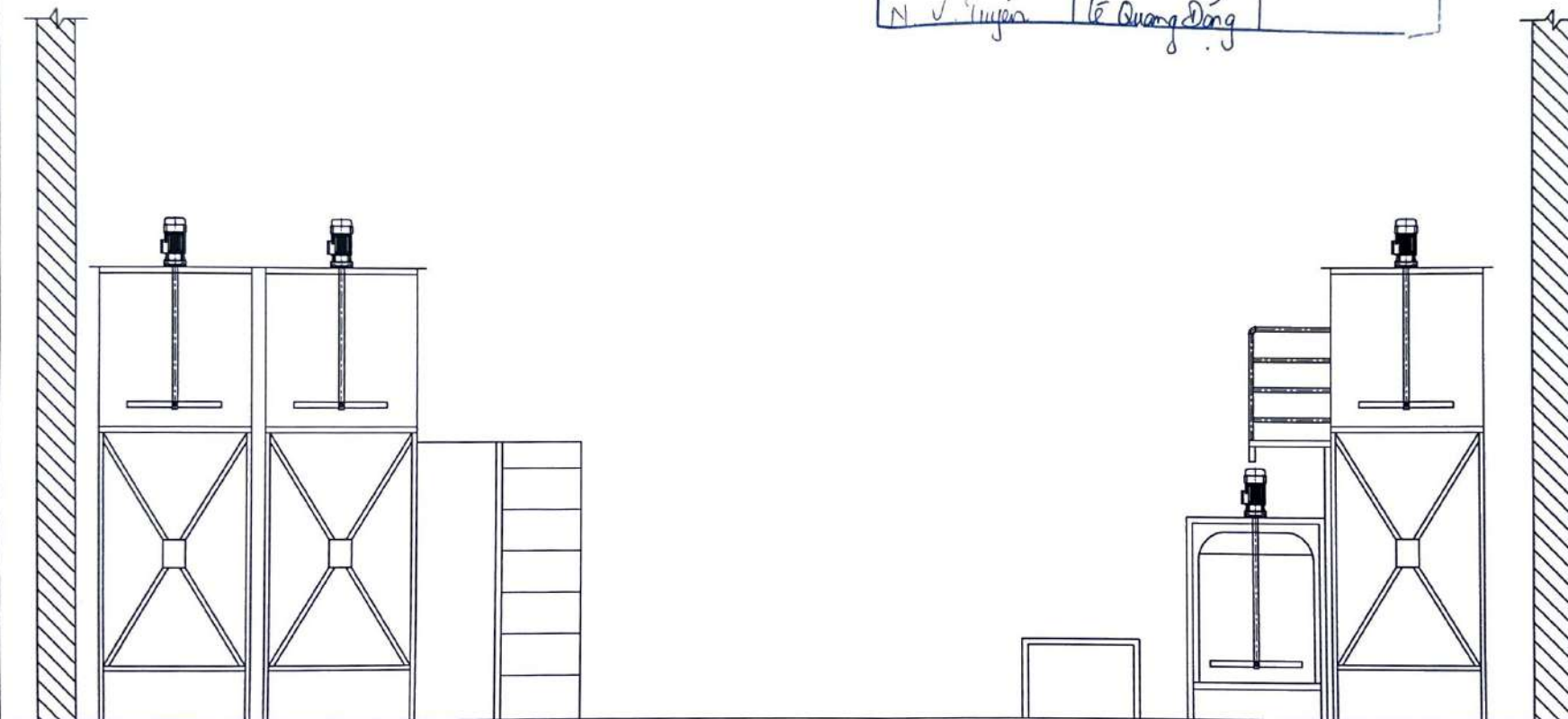


BẢN VẼ THI CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	THI CÔNG	
<i>Tuyen</i>	<i>Dan</i>	
N. V. Tuyen	Lô Quang Đăng	

SỐ CHỈ DẪN			
SỬA ĐỔI - REVISION			
NO	NGÀY - DATE	NỘI DUNG - CONTENT	CHỦYẾT - APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM			
NHÀ THẦU - CONTRACTOR			
			
			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Dan</i>	
CHỦ TRÌ	BÙI CÔNG HIỆP	<i>Bui</i>	
Kiểm tra	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Dan</i>	
Thiết kế	NGUYỄN VĂN TUYẾN	<i>Tuyen</i>	
DỰ ÁN - PROJECT			
CÁI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION			
LÔ CN-86, KCN PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯƠN MỸ, HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE			
MẶT CẮT 2-2			
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE:		TỶ LỆ - SCALE:	
20.....		1:50	
SƠ ĐỒ - PHASE:		BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:	
		TXL-57	

MẶT CẮT 3_3

CÔNG TY HOÀN CÔNG		
/.....tháng.....năm 20.....		
ĐƠN VỊ THI CÔNG		GIÁM SÁT THI CÔNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	ĐẠI DIỆN CÔNG TY	
<i>Xuyen</i>	<i>Don</i>	
N. V. Xuyen	Lê Quang Đông	



MẶT CẮT 4_4

SƠ CHẾ - NOTE		
SỬA ĐỔI - REVISION		
NO	REVISY - DATE	CONTENT - APPROVED
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR		
CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM		
THẦU - CONTRACTOR		
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ - MTX CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MTX		
QUẢN LÝ T.C. MANAGER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>
CHỦ TRÌ MAN DESIGNER	BÙI CÔNG HIẾP	<i>Th</i>
Kiểm CHECKER	LÊ QUANG ĐĂNG	<i>Don</i>
THIẾT KẾ DESIGNER	NGUYỄN VĂN TUYỀN	<i>tuyen</i>
DỰ ÁN - PROJECT		
CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION		
LÔ CN-BE, KCN PHÚ NGHĨA, X. PHÚ NGHĨA, H. CHƯNG MỸ, HÀ NỘI		
HẠNG MỤC - ITEM		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ - DWG TITLE		
MẶT CẮT 3-3		
HOÀN THÀNH - FINISHED DATE:	TỶ LỆ - SCALE:	
20.....		
ĐƠN ĐOÀN - PHASE:	BẢN VẼ SỐ - DWG NO:	
	TXL-08	



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

AS-BUILT DRAWINGS

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

PROJECT: EXHAUST GAS TREATMENT SYSTEM RENOVATION

**ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-B6, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ NGHĨA, HUYỆN CHƯƠNG MỸ,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM**

**LOCATION: LOT CN-B6, PHU NGHIA IZ, CHUONG MY DISTRICT, HANOI CITY,
VIETNAM**

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

OWNER : DOOJUNG VIETNAM CO., LTD

NHÀ THẦU : CÔNG TY CP CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ TOÀN CẦU

CONTRACTOR : GLOBAL TECHNOLOGY AND EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

HÀ NỘI - 2020



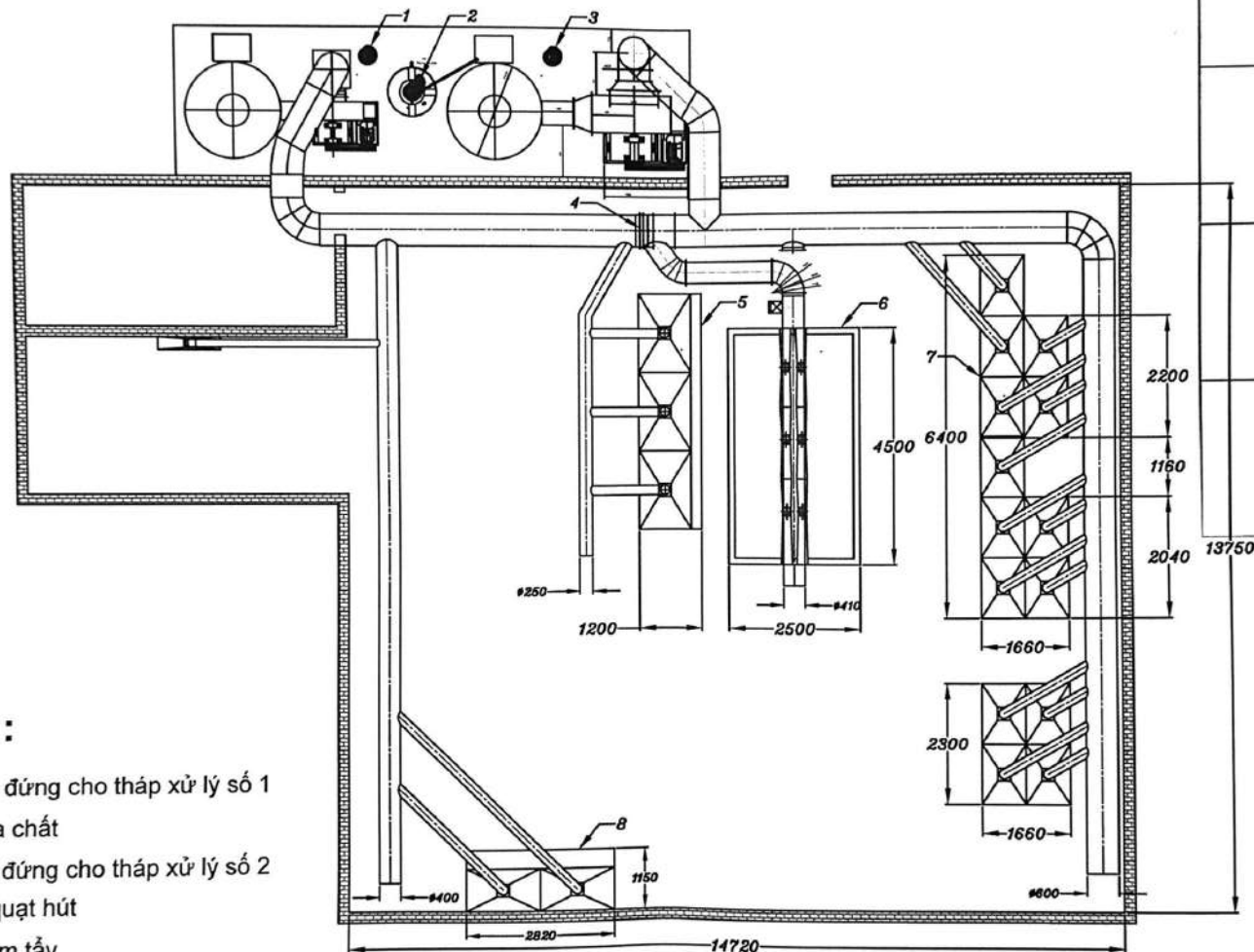
NG. T. CP CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ TOÀN CẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ
TOÀN CẦU
NGUYỄN VĂN HƯNG

CHỈ HUY TRƯỞNG

TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

CHỦ ĐẦU TƯ

Ngày Tháng Năm 20.....



CHÚ THÍCH :

- 1: Bơm tuần hoàn trực đứng cho tháp xử lý số 1
- 2: Bơm định lượng hóa chất
- 3: Bơm tuần hoàn trực đứng cho tháp xử lý số 2
- 4: Van khóa tách biệt quạt hút
- 5: Cụm 1 dây 3 bể ngâm tẩy
- 6: Cụm 2 dây 6 bể ngâm tẩy
- 7: Cụm 1 dây 8 bể và 1 dây 6 bể ngâm tẩy axit
- 8: Cụm 1 dây 2 bể

01	2020				BAN HÀNH LẦN 1
Ban hành	Ngày	Thiết kế	Kiểm tra	Phê duyệt	Mô tả
Khách hàng					
Cty Doojung - VN					
LSX	039-20	Tiêu chuẩn sản xuất GIS1001 : 2020			
Đơn vị	mm	Khổ in	Số lượng	Khối lượng	
	A3	...	...	...Kg	
Tên sản phẩm					
Cải tạo hệ thống xử lý khí thải BV TRÍCH MẶT BẰNG					
Mã bản vẽ					Số tờ
D2102.600-00					1/1

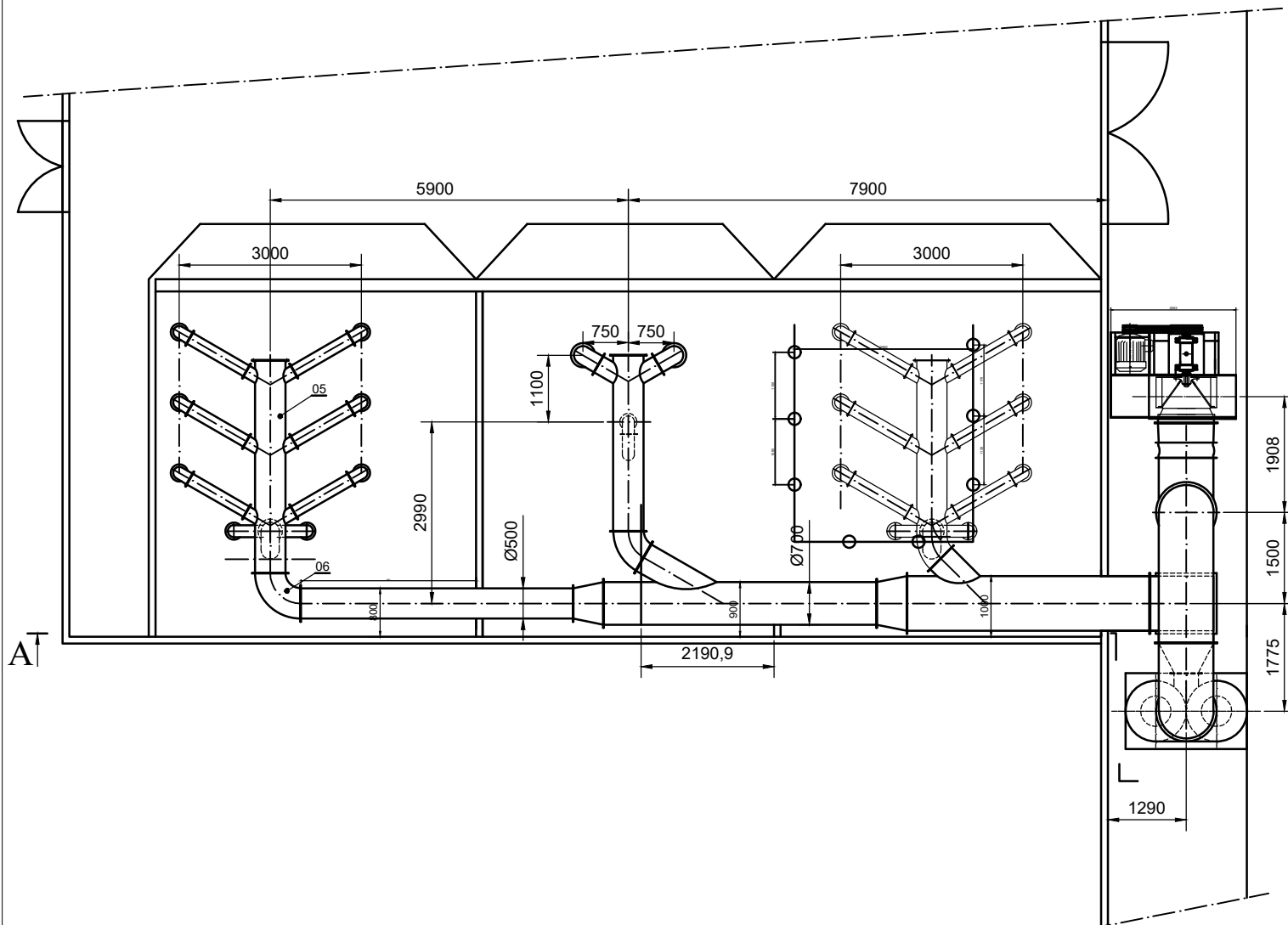
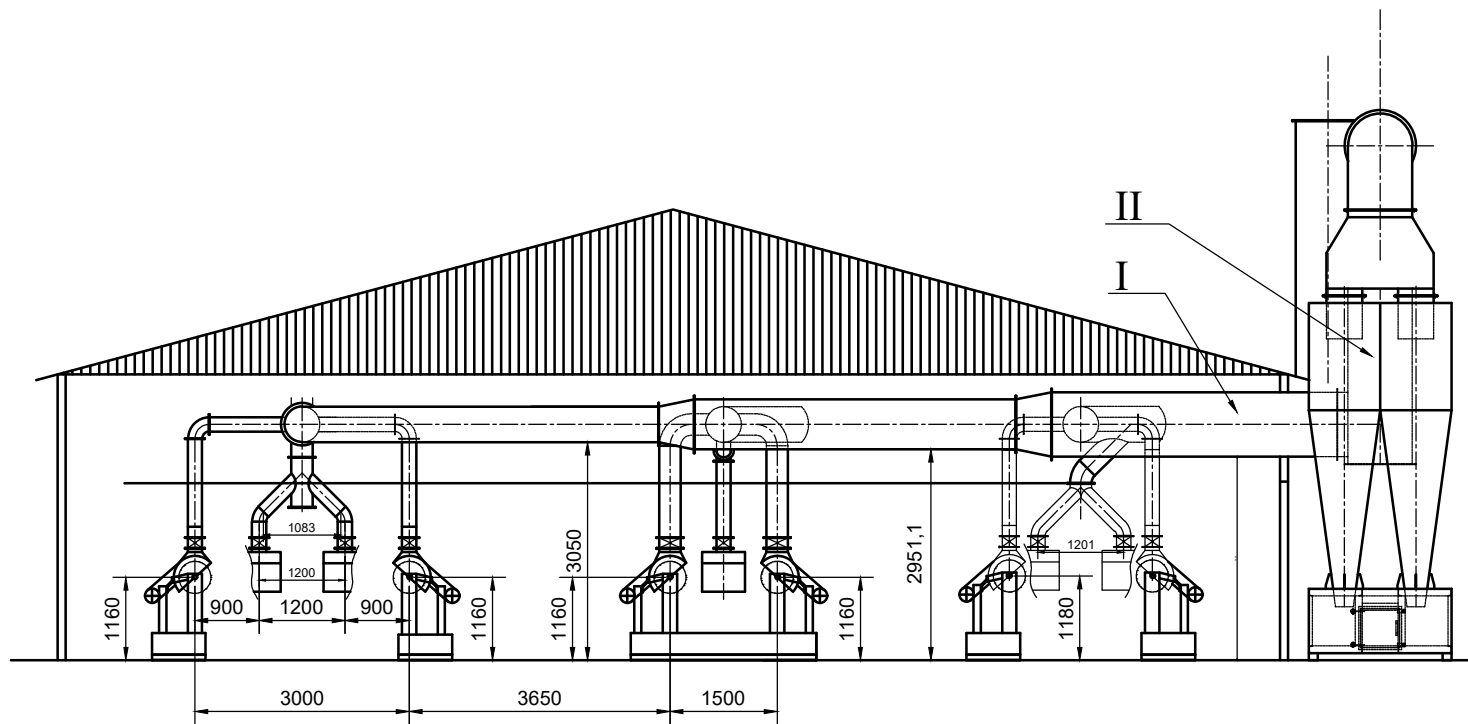


GTECO
ISO 9001 : 2015

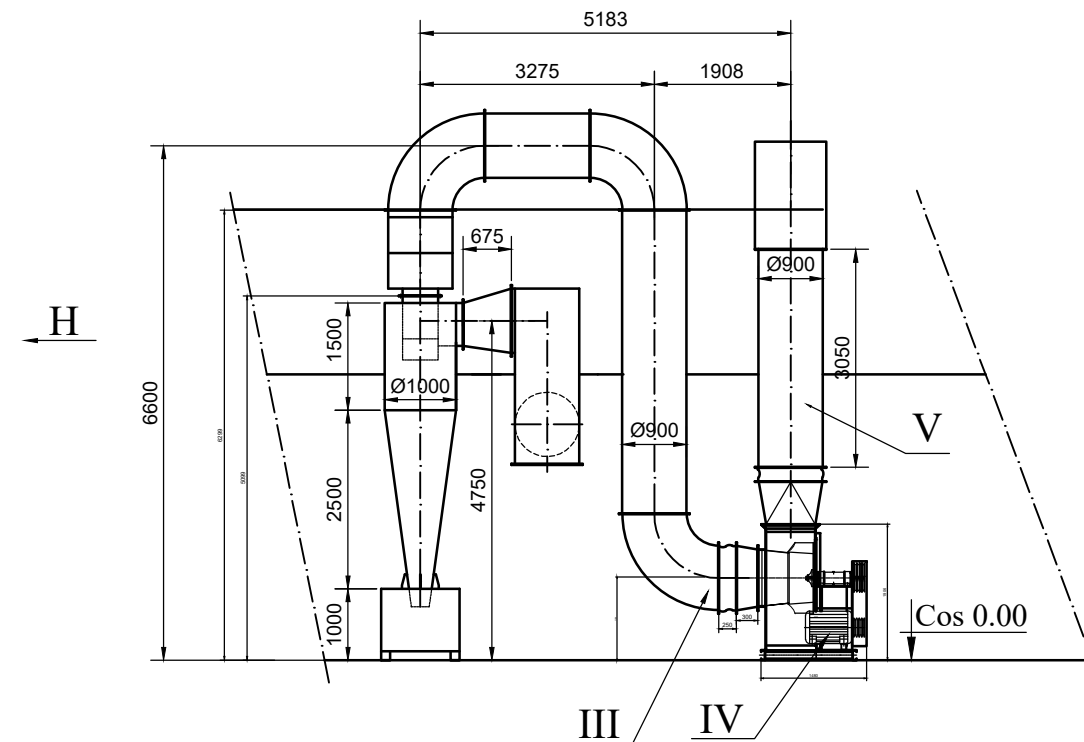
GLOBAL TECHNOLOGY AND EQUIPMENT JSC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
VÀ THIẾT BỊ TOÀN CẦU

KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0986 075 988
Website: www.gteco.vn

A-A



Theo H:



YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Tại các vị trí lắp ống khói, tùy vào hiện trường thi bố trí Giá đỡ, găng, neo ống khói cố định.
2. Khi lắp đặt Hệ thống tại các bích nổi phải có gioong amiăng làm kín.
3. Làm sạch, sơn chống rỉ và sơn màu trang trí tại các vị trí hàn, sửa khi lắp đặt.

V	LB.40.005	Ổng khói	01		CT3	
IV	LB.40.004	Quạt gió	01		CT3	
III	LB.40.003	HT đường ống sau Xyclon trước quạt	01		CT3	
II	LB.40.002	Xyclon kép	01		CT3	
I	LB.40.001	HT đường ống trước Xyclon	01	K.lg	CT3	
TT	Ký hiệu	Tên gọi	S.lg	K.lg	Vật liệu	Ghi chú

Kí hiệu	Số lg	Người	Xác nhận

GHI CHÚ

1- Tất cả
các kích
thước
trong bản
vẽ là : mm

CHỦ ĐẦU TƯ

Ông: Công ty DoJoung

ĐẠI DIỆN

Ông:

Kĩ thuật

KS:.....



CÔNG TY
TNHH
CÔNG
NGHỆ VÀ

THIỆT BỊ
TOÀN ĐẠI DIỆN
CẦU

Ông: Lê Quý Dũng

Kiểm tra

Lê Quý Dũng

Người vẽ

KS: Vũ Đức Hiệp

Tên công trình

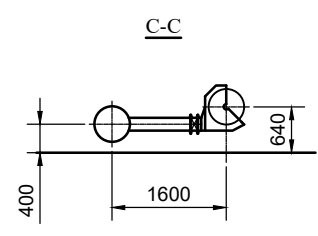
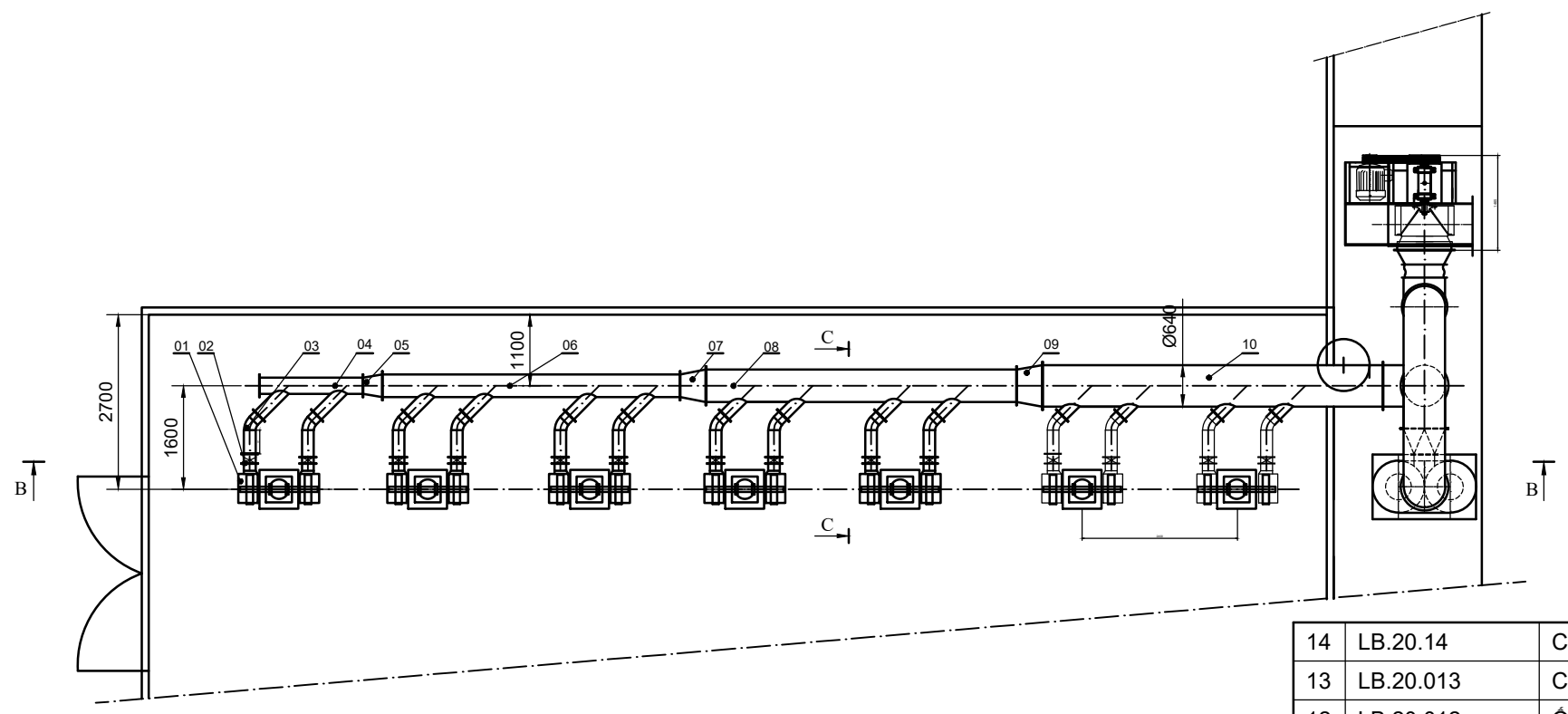
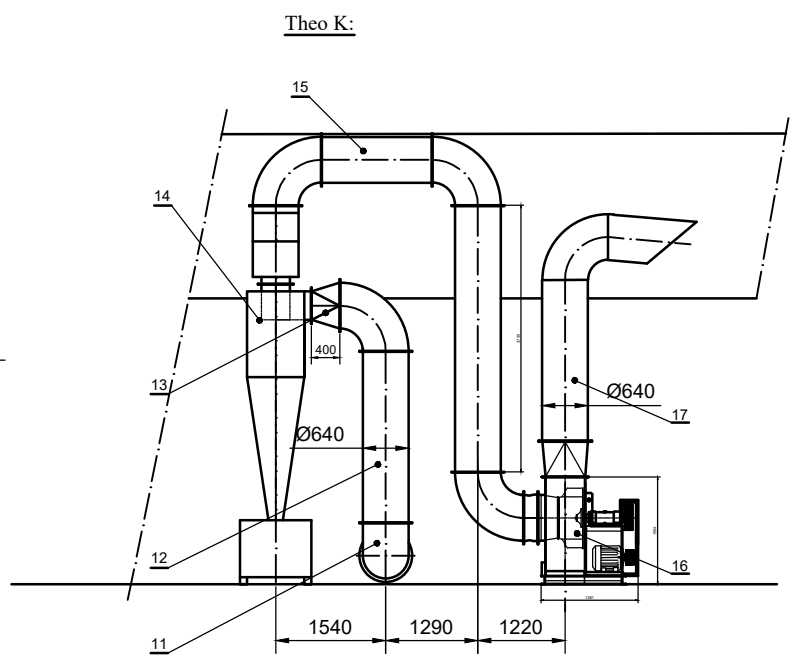
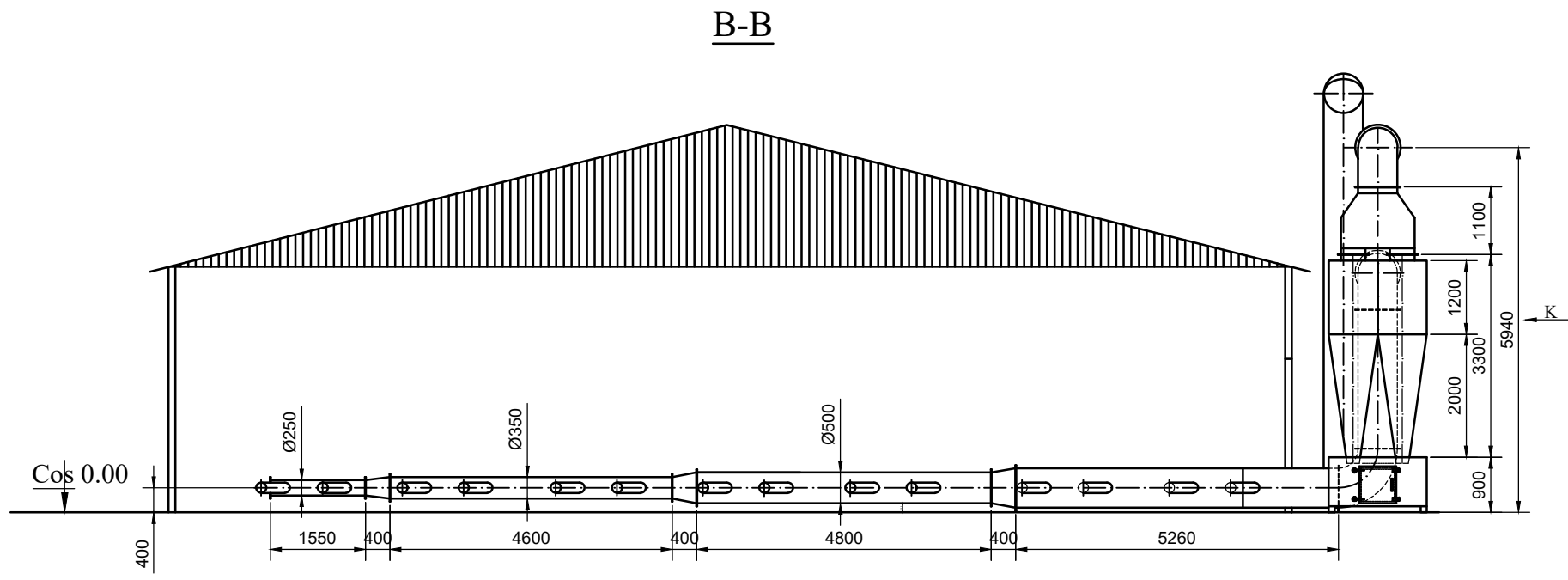
Địa điểm:

Tên bản vẽ

HỆ THỐNG LỌC BUI XYCLON
40.000 M3/H

Người duyệt

Kí hiệu



17	LB.20.017	Ống Khói	01		CT3	
16	LB.20.016	Quạt gió	02			
15	LB.20.015	HT ống nối trước Quạt	01	K.lg		
TT	Ký hiệu	Tên gọi	S.lg	K.lg	Vật liệu	Ghi chú

14	LB.20.14	Cụm Xyclon kép	01		CT3	
13	LB.20.013	Côn chuyển trước Xyclon	01		CT3	
12	LB.20.012	Ống dẫn Ø640	01		CT3	
11	LB.20.011	Cút 90° Ø640	01		CT3	
10	LB.20.010	Ống dẫn Ø640	01		CT3	
09	LB.20.009	Côn thu Ø640/Ø500	01		CT3	
08	LB.20.008	Ống dẫn Ø500	01		CT3	
07	LB.20.007	Côn thu Ø500/Ø350	01		CT3	
06	LB.20.006	Ống dẫn Ø350	01		CT3	
05	LB.20.005	Côn thu Ø350/Ø250	01		CT3	
04	LB.20.004	Ống dẫn Ø250	01		CT3	
03	LB.20.003	Ống nối Ø180	14		CT3	
02	LB.20.002	Van gió Ø180	14		CT3	
01	LB.20.001	Chụp hút	14	K.lg	CT3	
TT	Ký hiệu	Tên gọi	S.lg	K.lg	Vật liệu	Ghi chú

Kí hiệu	Số lg	Người	Xác nhận
GHI CHÚ			
1- Tất cả các kích thước trong bản vẽ là : mm			
CHỦ ĐẦU TƯ			
Ông: Công ty DoJoung			
ĐẠI DIỆN			
Ông:			
Kĩ thuật			
KS:.....			
 Gteco ISO 9001 : 2008 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ TOÀN CẦU			
ĐẠI DIỆN			
Ông: Lê Quý Dũng			
Kiểm tra			
Lê Quý Dũng			
Người vẽ			
KS: Vũ Đức Hiệp			
Tên công trình			
Địa điểm:			
Tên bản vẽ			
HỆ THỐNG LỌC BỤI XYCLON 20.000 M3/H			
Người duyệt		Kí hiệu	